

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM



(Giấy chứng nhận số)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số . . . /ĐKCB Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày . . . tháng . . . năm 200...)

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Trụ sở chính: 428 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. HCM.

Điện thoại: (84-8) 3940 4271

Fax: (84-8) 3940 4711

Website:

<http://www.vitranschart.com.vn>

Email: vtc-hcm@vitranschart.com.vn

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)

Trụ sở chính: Số 67 Hàm Nghi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 3914 3588

Fax: (84-8) 3914 3209

Website: www.vcsc.com.vn

Chi nhánh Hà Nội: Số 18 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6262 6999

Fax: (84-4) 6278 2688

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Bà Đoàn Thị Thu Hòa

- Thư ký Hội Đồng Quản Trị

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1. Rủi ro kinh tế:	1
2. Rủi ro về pháp luật	1
3. Rủi ro trong kinh doanh.	2
4. Rủi ro của đợt chào bán	3
5. Rủi ro của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán	4
6. Rủi ro khác:	4
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BẢN CÁO BẠCH	4
1. Tổ chức phát hành	4
2. Tổ chức tư vấn	4
III. CÁC KHÁI NIỆM	5
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	5
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	5
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty (31/12/2009).....	8
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty.	23
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký phát hành.....	25
5. Hoạt động kinh doanh:	25
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất:	39
7. Vị thế của Công ty so với các Công ty khác trong cùng ngành	41
8. Chính sách đối với người lao động	44
9. Chính sách cổ tức	46
10. Tình hình hoạt động tài chính	46
11. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	51
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	52
13. Tài sản (Nhà xưởng thuộc sở hữu Công ty).....	62
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010-2012.....	63
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	65
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành.....	66
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty và có thể ảnh hưởng tới cổ phiếu chào bán	66
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	66
1. Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:	66
2. Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu:	67
3. Thời gian chào bán và phân phối cổ phần.....	68
4. Đăng ký mua cổ phần.....	68

5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.....	69
6. Các loại thuế có liên quan.....	70
7. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ tức.....	71
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN:.....	71
1. Mục đích phát hành.....	71
2. Phương án khả thi	71
VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH RA CÔNG CHÚNG .	74
1. Tổ chức tư vấn	74
2. Tổ chức kiểm toán.....	74
PHỤ LỤC.....	74



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. *Rủi ro kinh tế:*

Sự phát triển lạc quan của nền kinh tế trong giai đoạn cuối năm 2009 có tác động tích cực đến các Công ty. Nhìn sang năm 2010, dù rằng gói kích thích kinh tế gần như đã chấm dứt, nền kinh tế đã tìm lại được đà tăng trưởng và có thể tự vận động mà không cần đến gói kích cầu nữa. Dự kiến tăng trưởng kinh tế sẽ cao hơn so với năm 2009 và có thể đạt 6,5% - 7% với xuất khẩu sẽ là một trong những động lực chính.

Thách thức lớn nhất là khả năng lạm phát sẽ quay trở lại do mặt bằng của các yếu tố chi phí cả trong nước và nhập khẩu đang có xu hướng tăng. Chính sách thắt chặt tiền tệ sẽ là liều thuốc tốt cho lạm phát, nhưng có thể sẽ làm cản trở đà tăng trưởng. Tình trạng ổn định sẽ được thiết lập trong nửa đầu năm 2010 và khi đó, chính sách tiền tệ sẽ được nới lỏng dần để hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng ổn định.

Tuy nhiên, gắn liền với những cơ hội là sự cạnh tranh ngày càng cao giữa các doanh nghiệp. Chỉ có những Công ty hoạt động hiệu quả, có định hướng chiến lược kinh doanh đúng đắn mới có thể đứng vững và phát triển trong môi trường cạnh tranh khốc liệt. Có thể nói, sự phát triển và mở cửa nền kinh tế vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với Công ty.

Tuy nhiên, với tốc độ tăng trưởng kinh tế và các chính sách của Việt Nam hiện nay, có thể nhận định rằng rủi ro về kinh tế không phải là một rủi ro đáng ngại đối với hoạt động của Công ty. Hơn nữa, doanh nghiệp vẫn có định hướng phát triển riêng cho mình trong ngắn hạn cũng như chiến lược phát triển lâu dài trong tương lai dựa trên các thị trường tiềm năng và ổn định mà Công ty đang khai thác.

2. *Rủi ro về pháp luật*

Là Công ty cổ phần, nên hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp. Hơn thế nữa hoạt động kinh doanh của Vitranschart liên quan trực tiếp đến vấn đề môi trường trên biển. Vitranschart luôn tuân thủ các công ước Quốc tế về an toàn môi trường, bảo vệ sinh mạng trên biển. Do đó những thay đổi về quy định an toàn của Nhà nước và Quốc tế cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty. Tuy nhiên, điều này cũng là cách phòng ngừa các thiệt hại nặng nề có thể xảy ra cho hoạt động vận tải trên biển.

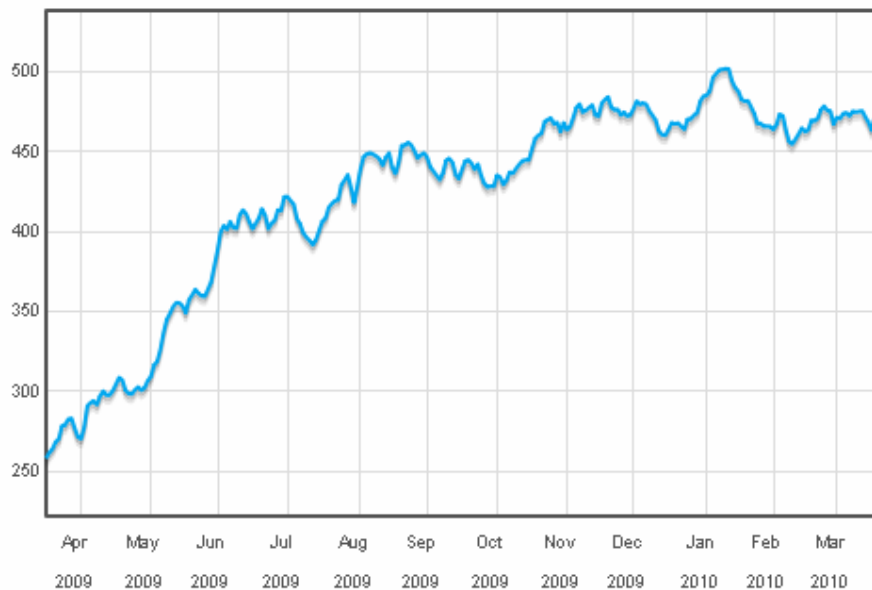
3. **Rủi ro trong kinh doanh.**



Tác động của biến động giá dầu trên thế giới

Hiện nay, tình hình vận tải biển thế giới nói chung và vận tải biển Việt Nam nói riêng đang gặp nhiều khó khăn, không chỉ vì áp lực giá cước mà còn vì sự biến động không ngừng của thị trường nhiên liệu. Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực vận chuyển, nên kết quả sản xuất kinh doanh của Vitranschart bị ảnh hưởng trực tiếp và rất lớn từ giá xăng dầu mà phần lớn lượng xăng dầu tiêu thụ của Vitranschart hiện nay là mua trực tiếp từ nước ngoài nên những biến động của giá dầu thế giới tác động rất lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tỷ trọng chi phí nhiên liệu trên tổng chi phí khoảng 36% trong năm 2009.

Biến động giá dầu thế giới trong thời gian qua



Nguồn: www.bunkerworld.com



Tác động từ các quy định về vận tải biển trên thế giới

Khi hoạt động vận tải biển thì Vitranschart phải tuân thủ các công ước quốc tế, các qui định của Tổ chức Hàng hải thế giới (IMO) như Solas, ISM code và Bộ luật an ninh cảng biển và tàu biển quốc tế (ISPS) có hiệu lực thực hiện từ 1/7/2004. Trong các qui định về an ninh, an toàn hàng hải có nhiều thay đổi với yêu cầu ngày càng ngặt nghèo hơn, đòi hỏi các chủ tàu và các nhà kinh doanh hàng hải phải tăng cường đầu tư trang thiết bị, đào tạo và đào tạo lại sĩ quan, thuyền viên đã làm cho chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tăng đáng kể vì phải trang bị thêm các thiết bị an ninh, an toàn để đáp ứng yêu cầu trên. Chính vì vậy làm tăng thêm các chi phí đầu vào của công ty và ảnh

hưởng phần lớn hiệu quả sản xuất kinh doanh vận tải biển. Tuy nhiên, một khi đầu tư thêm trang thiết bị và thực hiện các quy định mới thì đội tàu Vitranschart được an toàn hơn, giảm các rủi ro, tai nạn về người, tàu, hàng hóa làm tăng hiệu quả khai thác, kinh doanh.

Ảnh hưởng về tỷ giá:

Trong hoạt động dịch vụ vận tải đa số doanh thu của Vitranschart là bằng ngoại tệ nên sự biến động của tỷ giá hối đoái cũng tác động đến doanh thu của Công ty. Bên cạnh đó, trong các khoản chi phí của Công ty như chi phí nhiên liệu cho các nhà cung cấp và chi phí trả cho các nhà môi giới nước ngoài Vitranschart cũng thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ. Vì vậy sự biến động của tỷ giá hối đoái cũng ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

4. *Rủi ro của đợt chào bán*

Trường hợp số lượng chứng khoán chào bán không đạt được như mục tiêu đề ra của phương án phát hành và VST không thu được số tiền như đã dự kiến sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty cho đợt phát hành này - đây được xem là một trong những rủi ro của đợt chào bán. Tuy nhiên, để hạn chế rủi ro này, Công ty đã tính toán trên cơ sở thận trọng kế hoạch hoạt động kinh doanh trong các năm tới cũng như mức giá của đợt phát hành

Ngoài ra, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phân phối số lượng cổ phần còn lại do cổ đông không thực hiện quyền mua hết số lượng cổ phần chào bán và cổ phiếu lẻ phát sinh sau khi thực hiện quyền sao cho có lợi nhất cho cổ đông và giá phát hành không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu nhằm đảm bảo thu đủ số tiền như dự kiến của đợt phát hành.

Rủi ro do việc pha loãng giá cổ phiếu

Giá giao dịch của cổ phiếu VST sẽ bị pha loãng và được điều chỉnh giảm theo tỷ lệ phát hành và giá phát hành tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường VST sẽ được Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh điều chỉnh theo công thức như sau:

Giá thị trường (điều chỉnh) = $(PR(t-1) + I * PR)/(1+I)$, trong đó:

PR(t-1): Là giá của VST ngày trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền

PR: Là giá cổ phiếu sẽ bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt phát hành thêm



I: tỷ lệ vốn tăng

5. *Rủi ro của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán*

Số tiền thu được từ đợt phát hành được Công ty sử dụng vào việc đầu tư hai (02) tàu mới. Theo phương án khả thi của Công ty, việc đưa vào sử dụng và khai thác hai tàu mới sẽ mang lại hiệu quả lớn. Tuy nhiên, hiệu quả khai thác tàu cũng tùy thuộc vào tình hình kinh tế thế giới nói chung và tình hình thị trường vận tải biển đối với các loại hàng khô/ rời nói riêng. Đây được xem như là yếu tố rủi ro của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty cũng đã thực hiện khai thác tối đa thế mạnh của Công ty trong thị trường xuất khẩu các mặt hàng nông sản, ngũ cốc, quặng sắt đi các tuyến truyền thống của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng mở rộng thị phần thông qua khai thác thêm các tuyến mới như châu Âu và Bắc Mỹ nhằm khai thác tối đa năng lực của đội tàu.

6. *Rủi ro khác:*

Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng. Nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BẢN CÁO BẠCH

1. *Tổ chức phát hành*

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Ông Huỳnh Hồng Vũ - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Trương Đình Sơn - Chức vụ: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc

Bà Lê Thị Lan - Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc

Ông Thái Văn Can - Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Bà Vũ Minh Phượng - Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. *Tổ chức tư vấn*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Ông Tô Hải Chức vụ: Tổng giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ phát hành cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Cổ phần và thuê tàu biển Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá



và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty:	Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
Tổ chức tư vấn:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
BKS:	Ban Kiểm soát
BGD:	Ban Giám đốc
CNĐKKD:	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
HĐQT:	Hội đồng Quản trị
HĐLĐ:	Hợp đồng lao động
QLDN:	Quản lý doanh nghiệp
SQTV:	Sĩ Quan Thuyền Viên
Vitranschart:	Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Lịch sử hình thành và phát triển

Giai đoạn đầu thành lập từ năm 1975 – 1984

Tiền thân của Công ty hiện nay được thành lập trên cơ sở tiếp quản đội tàu và các hăng tàu do chế độ cũ để lại như Hỏa xa Hàng hải Việt Nam, gồm 07 tàu (tổng trọng tải 3.220DWT); Việt Nam hàng hải, hăng tàu Vishipco Line (12 tàu tổng trọng tải 21.292DWT); Hăng tàu Việt Nam hàng hải (01 tàu trọng tải 600DWT), 21 sà lan và tàu nhỏ cũ hư hỏng nặng, chỉ còn 1/3 là có khả năng hoạt động.

Ngày 26/5/1975 theo quyết định số 16/VP/QĐ/TC, Tổng cục Giao thông vận tải quyết định thành lập “Công ty Vận tải biển Miền Nam Việt Nam” (Southern Vietnam Ocean Shipping Company) tên viết tắt “SOVOSCO”. Công ty được hoạt động theo phương thức tự quản với nhiệm vụ chủ yếu quản lý và khai thác vận tải trên tuyến ven biển nội địa, chuyên chở lương thực, phân bón.

Đến ngày 07/12/1976 theo quyết định số 4683/QĐ-TC của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xác định Công ty Vận tải biển miền Nam Việt Nam (SOVOSCO) là Xí nghiệp vận tải thuộc Cục đường biển Việt Nam.



Đến ngày 04/6/1983 Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ra quyết định số 1251/QĐ-TCCB Quyết định Công ty Vận tải Sovosco trực thuộc Tổng cục đường biển Việt Nam.

Đến ngày 14/3/1984 Công ty Vận tải và thuê tàu biển “Transchart” và “Công ty Vận tải biển Sovosco” được hợp nhất thành Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart) trực thuộc Tổng cục Đường biển Việt Nam theo quyết định số 706/TCCB của Bộ trưởng Giao thông vận tải.

Trong suốt thời gian này Công ty hoạt động theo phương thức tự quản với nhiệm vụ chủ yếu là quản lý và khai thác vận tải trên tuyến ven biển nội địa, chuyên chở lương thực, phân bón. Công ty đã vượt qua những khó khăn về nguồn nhân lực cho đội tàu và xưởng sửa chữa tàu, để đảm bảo cho đội tàu hoạt động liên tục. Chính nhờ hướng đi đúng, đội tàu Công ty không ngừng trưởng thành và lớn mạnh sau này.

Giai đoạn đầu tư, phát triển và hội nhập kinh tế: từ năm 1984 – 2007

Ngày 11/3/1993, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành về việc thành lập lại doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam theo quyết định số 377/QĐ-TCCB-LĐ có tên giao dịch quốc tế là: Vietnam Sea Transport and Chartering Company (VITRANSCHART).

Trong giai đoạn này, Công ty tiếp tục đầu tư chiều sâu phát triển đội tàu với định hướng tàu mới: có trang thiết bị với công nghệ hiện đại, có sức chở lớn hơn so với các tàu hiện có. Công ty lần lượt thuê mua tàu mới với tổng trọng tải tăng lên đáng kể. Với việc mua mới các tàu này đã đưa đội tàu hiện có độ tuổi bình quân trên 20 tuổi xuống dưới mức 18 tuổi. Cùng với việc phát triển đội tàu, Công ty còn mở rộng kinh doanh các loại hình dịch vụ hàng hải mới: cho thuê tàu định hạn song song với việc tự khai thác tàu, cung ứng dịch vụ xuất khẩu lao động, mở rộng hoạt động thương mại, đại lý hàng hải, sửa chữa tàu biển, tìm cách liên doanh liên kết với các hãng tàu nước ngoài...đưa một đơn vị hoạt động vận tải đơn thuần trở thành một Công ty hoạt động trên nhiều lĩnh vực.

Bước vào những năm mở cửa của Việt Nam với các nước trên thế giới, nền kinh tế Việt Nam hội nhập sâu cùng khu vực và thế giới đã và đang tạo ra cho ngành hàng hải những cơ hội thách thức mới. Công ty tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đổi mới đội tàu về mọi mặt cả chất lượng lẫn số lượng. Liên tục trong những năm 2002, 2003, 2004 Công ty vừa tham gia chương trình đóng mới tàu trong nước vừa vay mua tàu đang khai thác ở nước ngoài. Nhờ đó trọng tải đội tàu đã tăng thêm hơn 50.000 DWT với số tiền đầu tư hơn 30.000.000 USD, không những đã tái tạo lại trọng tải của đội tàu mà còn hoàn thành nhiệm vụ hiện đại hóa đội tàu.



Giai đoạn phát triển và chuyển sang Công ty cổ phần (11/12 2007)

Căn cứ vào quyết định số 2137/QĐ-BTVT ngày 11/7/2007 của Bộ GTVT phê duyệt phương án và chuyển sang Công ty cổ phần. Ngày 11/12/2007, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập và tên chính thức là Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam – Tên viết tắt: Vitranschart JSC ngày nay. Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/12/2007.

Nhìn chung, Công ty đã từng bước đạt mục tiêu tái cơ cấu và trẻ hóa đội tàu. Ngoài ra, áp dụng Bộ luật Quản lý An toàn Quốc tế (ISM code) được coi là một bước khởi đầu cho việc áp dụng chính sách Quản lý chất lượng, hướng tới mục tiêu chính là Vận chuyển toàn cầu, nhằm tăng sức cạnh tranh của Công ty trên thị trường vận tải quốc tế sôi động. Việc tích cực áp dụng hệ thống Quản lý An ninh tàu và cảng biển trong thời gian sớm nhất là nỗ lực rất lớn của Công ty nhằm đáp ứng những đòi hỏi gắt gao liên tục thay đổi của môi trường kinh doanh.

Giai đoạn từ Công ty cổ phần, Công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng Thành Phố Hồ Chí Minh (20/02/2009) đến nay

Liên tiếp từ 2007 – 2008, Công ty đầu tư đóng mới 1 tàu mua 2 tàu: VTC-Dragon (22,662 DWT), VTC-Sun (23,581 DWT) và VTC-Planet (22,176 DWT). Riêng năm 2008, Công ty đang đầu tư khoảng 110 triệu USD cho các tàu mới.

Cùng mở rộng việc phát triển đội tàu, Vitranschart JSC còn mở rộng kinh doanh các loại hình cho thuê tàu định hạn song song với việc tự khai thác tàu, tổ chức dịch vụ cung ứng thuyền viên xuất khẩu. Công ty đã mạnh dạn thành lập Trung tâm Đào tạo môi giới xuất khẩu thuyền viên phía Nam (SSC) để huấn luyện đào tạo và xuất khẩu thuyền viên đi hợp tác lao động trên các tàu của các hãng tàu biển nước ngoài như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan... thu ngoại tệ cho Công ty và Nhà nước. Trong hơn 10 năm hoạt động, Trung tâm Đào tạo môi giới xuất khẩu thuyền viên phía Nam đã đưa hơn 4.000 lượt sĩ quan thuyền viên đi làm việc trên các tàu nước ngoài.

Ngày 20/02/2009 Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận niêm yết số 14/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty được niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

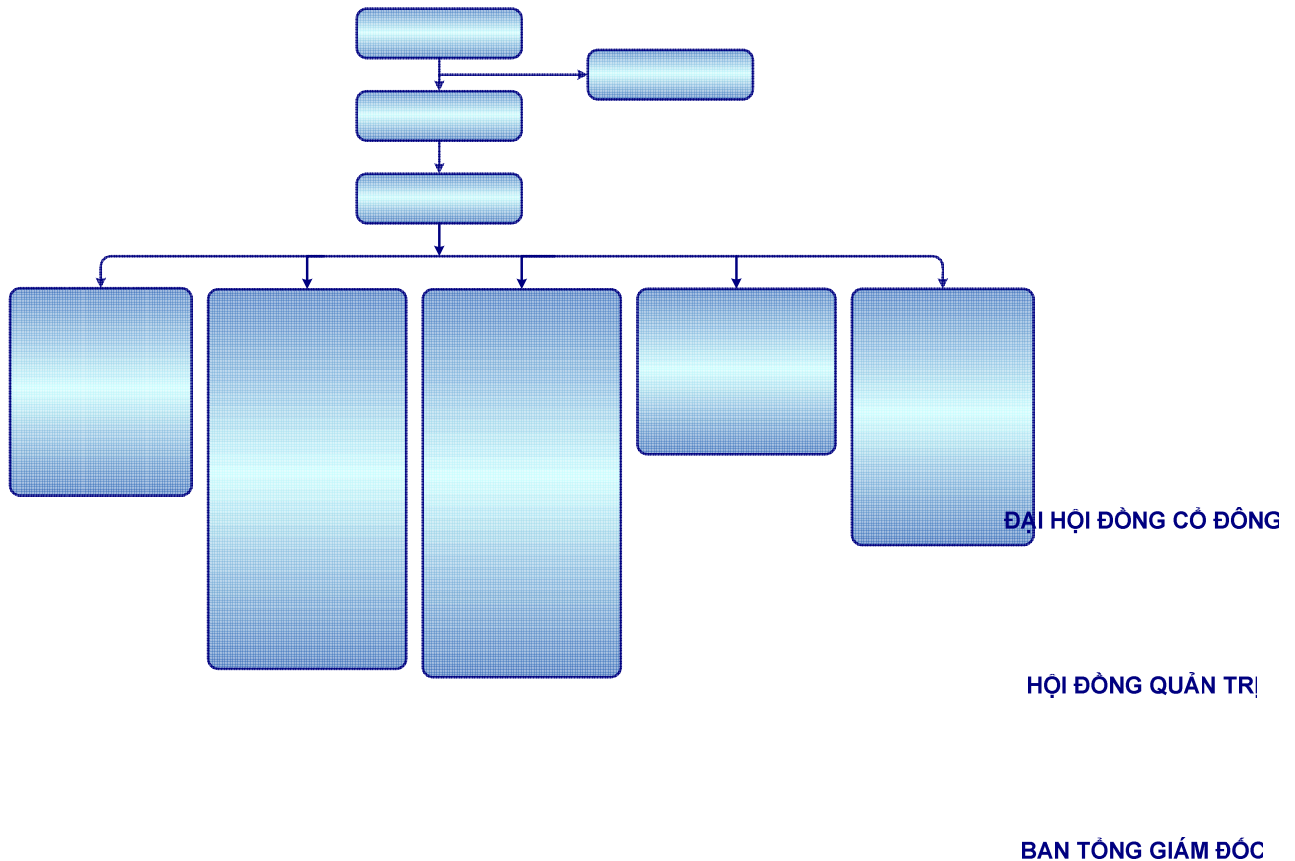
- Mã chứng khoán: VST
- Loại cổ phiếu niêm yết: Cổ phiếu thường
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 40.000.000 cổ phiếu



- Ngày giao dịch đầu tiên: 26/02/2009

Ngày 24/4/2009 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố. Hồ Chí Minh cấp lần đầu tiên do thay đổi người đại diện

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty (31/12/2009)



2.1. Cơ cấu tổ chức

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội cổ đông nhất trí thông qua.

- Trụ sở Công ty:** Là nơi đặt văn phòng làm việc của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và tất cả các phòng nghiệp vụ của Công ty.

Địa chỉ: 428 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. HCM

Điện thoại: (08) 3940 4271 Fax: (08) 3940 4711

Các đơn vị trực thuộc

CÁC CHỖ NHÁNH TRỰC THUỘC

ĐỘI TÀU "KINH DOANH VẬN TẢI BIỂN"

CÁC PHÒNG BAN MƯU GIÚP VIỆC GIÁM ĐỐC

- Hải Phòng
- Đà Nẵng
- Quy Nhơn
- Bà Rịa - Vũng Tàu
- Phương Đông 1
- Phương Đông 2
- Phương Đông 3
- Far East
- Viễn Đông 3
- Viễn Đông 5
- VTC Star
- VTC Light
- VTC Sky
- VTC Globe
- VTC Sun
- VTC Dragon
- VTC Planet
- VTC Ocean

- Tổ chức - lao
- Tài chính - kế
- Đầu tư - Phá
- Khai thác - TH
- Kỹ thuật
- Vật tư
- Pháp chế - An
- Hàng Hải.
- Quản lý chất
- Hành chính -
- Công nghệ th
- Quản lý đóng
- Quản lý Xây c



- ✓ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI (gọi tắt là văn phòng Đại diện Vitranschart Hà Nội) là đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 729/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam. Chi nhánh thực hiện chế độ hạch toán kinh tế phụ thuộc, nộp thuế và các khoản đóng góp tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, theo quyết định và phân cấp của Công ty.
 - Địa chỉ : Tầng 11, phòng 1101, Tòa nhà Ocean Park, số 01A, Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP.Hà Nội.
 - Điện thoại : (84-04) 35770991, 35770982. Fax: (84-04) 35770908
 - Email : vtc-hanoi@hn.vnn.vn, vtchanoi@vitranschart.com.vn
- ✓ CHI NHÁNH CÔNG TY VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM TẠI HẢI PHÒNG là Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 103/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam. Chi nhánh thực hiện chế độ hạch toán kinh tế phụ thuộc, nộp thuế và các khoản đóng góp tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, theo quyết định và phân cấp của Công ty.
 - Địa chỉ : Số 22 Lê Đại Hành, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng
 - Điện thoại : (84-0313) 823828. Fax: (84-0313) 810190
 - Email : vtc-hnhp@hn.vnn.vn, vtchaiphong@vitranschart.com.vn
- ✓ CHI NHÁNH CÔNG TY VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM TẠI ĐÀ NẴNG là Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 105/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam. Chi nhánh thực hiện chế độ hạch toán kinh tế phụ thuộc, nộp thuế và các khoản đóng góp tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, theo quyết định và phân cấp của Công ty.
 - Địa chỉ : Địa chỉ: 60 Nguyễn Chí Thanh, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng.
 - Điện thoại: (84-0511) 3896999. Fax: (84-0511)3822661
 - Email: vtc-danang@dng.vnn.vn, vtcdanang@vitranschart.com.vn .
- ✓ CHI NHÁNH CÔNG TY VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM TẠI THÀNH PHỐ QUY NHƠN, BÌNH ĐỊNH là Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt



Nam được tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 106/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam. Chi nhánh thực hiện chế độ hạch toán kinh tế phụ thuộc, nộp thuế và các khoản đóng góp tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, theo quyết định và phân cấp của Công ty.

- Địa chỉ : Lô C2 – C3, Cụm Công nghiệp Nhơn Bình, TP.Quy Nhơn, Bình Định.
 - Điện thoại: (84-056) 3648878. Fax: (84-056) 38648233
 - Email: vtc-quinhon@dng.vnn.vn, vtcquynhon@vitranschart.com.vn.
- ✓ CHI NHÁNH CÔNG TY VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM TẠI TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU là Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 107/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam. Chi nhánh thực hiện chế độ hạch toán kinh tế phụ thuộc, nộp thuế và các khoản đóng góp tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, theo quyết định và phân cấp của Công ty.
- Địa chỉ : Số 32, Phan Đăng Lưu, phường 3, TP.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
 - Điện thoại: (84-064) 3531183. Fax: (84-064) 3854114
 - Email: vtc-vt@hcm.vnn.vn, vtcvungtau@vitranschart.com.vn
- ✓ CHI NHÁNH : TRUNG TÂM ĐÀO TẠO, MÔI GIỚI VÀ XUẤT KHẨU THUYỀN VIÊN PHÍA NAM là Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 110/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam. Chi nhánh thực hiện chế độ hạch toán kinh tế phụ thuộc, nộp thuế và các khoản đóng góp tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, theo quyết định và phân cấp của Công ty.
- Địa chỉ : Số 36 Nguyễn Thị Minh khai, phường Đakao, quận 1, TP.Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: (84-8) 38225277, 38244479, 38244480 Fax: (84-4) 38225072
- ✓ Email: scc@vitranschart.com.vn, socrucen@fmail.vnn.vn
- ✓ Công ty TNHH một thành viên Cung ứng dịch vụ sửa chữa tàu biển Phương Nam là Công ty con của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 662/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng quản trị Công Ty Cổ Phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam.



- Địa chỉ : 428 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, TP.Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: (84-08) 39404271. Fax: (84-08) 39404411
 - Email: ssr@vitranschart.com.vn
- ✓ Công ty Cổ phần Cung ứng dịch vụ hàng hải và xuất nhập khẩu Phương Đông (PDIMEX JSC) – Chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cung ứng dịch vụ hàng hải và xuất nhập khẩu Phương Đông (PDIMEXCO LTD) là Công ty con của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam. Công ty PDIMEX JSC có vốn điều lệ 18 tỷ trong đó VITRANSCHART nắm giữ cổ phiếu chi phối với tỷ lệ 56.67%. Công ty thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, nộp thuế và các khoản đóng góp tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, theo quyết định và phân cấp của Công ty.
- Địa chỉ : 438 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, TP.Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: (84-08) 39041570. Fax: (84-08) 39404184
 - Email: pdimexco@vitranschart.com.vn

2.2 Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam có bộ máy quản lý tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần như sau:

➤ Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội cổ đông cơ quan có quyền lực cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự. Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ chính sau:

- Thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ.
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và của các kiểm toán viên.
- Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị.
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc.
- Và các nhiệm vụ khác theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ và các quy chế khác của Công ty.

➤ Hội đồng Quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty gồm có bảy (07) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông. Nhiệm kỳ của Hội đồng



quản trị hiện tại là 5 năm. Nhiệm kỳ của thành viên hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty như:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty;
- Và các nhiệm vụ khác theo điều lệ Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

➤ **Ban Kiểm soát:**

Ban Kiểm soát bao gồm ba (03) thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát hiện tại là năm (05) năm, thành viên ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát có những quyền hạn và trách nhiệm chính như sau:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị.
- Xem xét báo cáo của Công ty về hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- Và các quy định khác theo điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

➤ **Tổng Giám đốc:**

Là người đại diện pháp nhân của công ty chịu trách nhiệm toàn bộ mọi hoạt động của công ty trước HĐQT và pháp luật Nhà nước. Tổng Giám đốc điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm như:



- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật



Nhiệm vụ và chức năng của các phòng ban Công ty

➤ Tổ chức – Lao động

Phòng Tổ chức – Lao động là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ, tham mưu, giúp Tổng Giám đốc thực hiện chức năng quản lý về công tác tổ chức và cán bộ; công tác lao động và tiền lương theo quy định của Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản trị của Công ty. Thông qua một số nhiệm vụ chính sau:

- Trình Tổng Giám đốc ban hành các quy chế, quyết định, chỉ thị, thông báo và loại văn bản khác thuộc lĩnh vực về công tác tổ chức và cán bộ; công tác lao động và tiền lương của Công ty và chịu trách nhiệm về nội dung các văn bản đó theo quy định.
- Trình Tổng Giám đốc quyết định việc phân công, phân cấp quản lý và điều hành về lĩnh vực trên đối với các phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty và chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện.
- Trình Tổng Giám đốc về công tác tổ chức bộ máy và quy hoạch cán bộ; kế hoạch về lao động, việc làm; tiền lương, thu nhập khác; đào tạo, huấn luyện; bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ; chế độ chính sách khác đối với người lao động của Công ty hàng năm và dài hạn theo quy định.
- Trình Tổng Giám đốc về việc tổng kết, đánh giá, báo cáo về tình hình thực hiện các quy định thuộc lĩnh vực về công tác tổ chức, cán bộ và lao động, tiền lương tại Công ty theo quy định của Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản trị của Công ty.
- Và các chức năng nhiệm vụ khác theo quyết định cụ thể của Vitranschart.



➤ **Tài chính – Kế toán**

Là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ, thuộc hệ thống tổ chức của Vitranschart, thực hiện chức năng tham mưu giúp việc và thừa lệnh của Tổng Giám đốc trong công tác quản lý tài chính, hạch toán kinh tế và kế toán trong Công ty. Kiểm tra quá trình thực hiện kế hoạch trong việc sử dụng tiền vốn, vật tư, lao động. Thúc đẩy chế độ hạch toán kinh tế nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng tích lũy cho Công ty, đồng thời cung cấp các số liệu, tài liệu báo cáo kịp thời cho các cơ quan quản lý cấp trên qua một số chức năng nhiệm vụ chính sau:

- Xây dựng các kế hoạch tài chính tín dụng, các bản dự toán dài hạn, hàng năm, quý, tháng, kịp thời với kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty, nhằm sử dụng hợp lý tiền vốn mang lại hiệu quả kinh tế cao. Chuẩn bị bảng dự toán hàng năm cho Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị thông qua.
- Tổ chức công tác kế toán, kiểm toán theo quy định, phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty và các quy định về báo cáo tài chính các cấp.
- Quản lý tài sản và các loại vốn (cố định, lưu động) của Công ty, vốn vay Ngân hàng hoặc vốn vay nước ngoài, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn tự có của Công ty, các loại quỹ của các đơn vị trực thuộc đúng chế độ, đúng mục đích.
- Chỉ đạo hướng dẫn nghiệp vụ kế toán và hạch toán kinh tế đối với các Chi nhánh đơn vị trực thuộc Công ty.
- Định kỳ kết hợp thực hiện công tác kiểm kê tài sản. Phối hợp, tổ chức đáp ứng yêu cầu của Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty, cũng như các đoàn thanh, kiểm tra tài chính, tài sản làm việc với Công ty theo quy định.
- Thực hiện các báo cáo theo quy định của Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.
- Tổ chức triển khai việc kinh doanh tài chính, tiền tệ có hiệu quả.
- Và các chức năng nhiệm vụ khác theo quyết định cụ thể của Vitranschart.

➤ **Đầu tư – Phát triển**

Phòng Đầu tư Phát triển có chức năng tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc trong công tác kế hoạch và đầu tư phát triển doanh nghiệp, kinh doanh và đối ngoại của Công ty đạt hiệu quả kinh tế theo Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản trị của Công ty thông qua các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Lập kế hoạch chiến lược phát triển kinh tế Công ty trong dài hạn phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế của ngành.



- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty để làm căn cứ giao kế hoạch cho các đơn vị của Công ty.
- Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch đã được Tổng Giám đốc phê duyệt.
- Tổng hợp, phân tích, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch hàng tháng, quý, năm, các thời kỳ, từ đó đề ra các biện pháp, giải pháp tích cực nhằm tổ chức thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức, tìm hiểu, điều tra, theo dõi và nghiên cứu mở rộng, phát triển thị trường; tiếp thị, giới thiệu, quảng cáo các sản phẩm, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Lập giá thành vận tải biển; tham gia việc lập giá thành các ngành kinh doanh khác của Công ty; chú trọng đặc biệt về giá cước hàng hoá, giá thuê và cho thuê tàu, giá mua bán và đóng tàu biển để phục vụ công tác kinh doanh của Công ty.
- Tham gia, theo dõi việc thương lượng, ký kết, thực hiện, thanh lý các hợp đồng kinh tế của Công ty đúng quy định.
- Thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh và các hoạt động có liên quan khác theo quy định của Nhà nước đối với Công ty tại địa phương.
- Thực hiện việc lập kế hoạch chương trình làm việc, quan hệ, giao dịch, tổ chức đưa đón, tiếp, hướng dẫn các đoàn nước ngoài làm việc với Công ty và đoàn của lãnh đạo Công ty đi công tác nước ngoài.
- Phiên dịch, dịch thuật; phát hành nội bộ bản “Thông tin kinh tế thị trường kinh doanh” phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả.
- Và các chức năng nhiệm vụ khác theo quyết định cụ thể của Vitranschart.

➤ **Khai thác – Thương vụ**

Phòng Khai thác Thương vụ, có chức năng tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc trong công tác khai thác và thương vụ tàu nhằm kinh doanh đội tàu theo kế hoạch của Công ty. Đồng thời, thừa lệnh Tổng Giám đốc trực tiếp chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của đội tàu được giao theo đúng quy định của Công ty.

- Tổ chức tìm hiểu thị trường vận tải biển để thiết lập hệ thống tìm nguồn hàng ở trong và ngoài nước cho đội tàu, làm căn cứ lập kế hoạch khai thác tàu có hiệu quả cao nhất. Đồng thời phân tích, đánh giá, báo cáo tình hình khai thác tàu để điều chỉnh kế hoạch và áp dụng các biện pháp khai thác phù hợp nhằm thực hiện được kế hoạch khai thác kinh doanh đội tàu mà Tổng Giám đốc giao.
- Tổ chức việc đàm phán, ký kết, theo dõi, thực hiện các hợp đồng vận tải, hợp đồng thuê và cho thuê tàu của đội tàu được giao có hiệu quả cao nhất.



- Thực hiện việc thu cước vận tải, tiền thưởng phạt, thuê tàu đúng hợp đồng đã ký kết và thanh lý hợp đồng.
- Tổ chức thực hiện việc cho thuê tàu của Công ty; thuê tàu của chủ tàu khác và cho thuê lại; môi giới hàng hoá một cách hợp lý, linh hoạt và hiệu quả theo đặc điểm của Công ty trong thời kỳ.
- Hoàn chỉnh các hồ sơ để giải quyết các vụ tranh chấp về hợp đồng vận tải, thuê và cho thuê tàu, đồng thời làm việc trực tiếp với chủ hàng, chủ tàu nhằm bảo vệ quyền lợi của Công ty.
- Thông tin kịp thời những nội dung có liên quan đến việc tổ chức thực hiện khai thác đội tàu được giao. Trực tiếp quản lý, xác nhận những công việc thuyền viên làm ngoài chức trách phục vụ khai thác tàu để thanh toán cho thuyền viên.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác của Tổng Giám đốc giao.

➤ **Kỹ thuật**

Phòng Kỹ thuật là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ, thuộc hệ thống tổ chức của Vitrancharts, thực hiện chức năng tham mưu giúp việc và thừa lệnh của Tổng Giám đốc trong công tác quản lý về khai thác kỹ thuật của đội tàu Công ty và công tác khoa học kỹ thuật, sáng kiến cải tiến kỹ thuật của Công ty.

- Tham mưu trình Tổng Giám đốc kế hoạch quản lý khai thác kỹ thuật đội tàu; theo yêu cầu cơ quan đăng kiểm, chính quyền mà tàu mang cờ, chế độ bảo quản bảo dưỡng phù hợp theo đúng thiết kế từng tàu và các tiêu chuẩn theo công ước quốc tế, của Đăng kiểm, của nhà chế tạo.
- Trình ban hành các quy tắc, quy trình, các loại biểu mẫu, sơ đồ thuộc phạm vi quản lý kỹ thuật; hướng dẫn cho Thuyền trưởng tàu khai thác kỹ thuật hợp lý trong việc vận hành máy móc, trang thiết bị, phù hợp với yêu cầu của nhà thiết kế và yêu cầu sử dụng theo quy định, hệ thống quản lý an toàn Công ty nhằm làm tăng quá trình hoạt động an toàn của tàu.
- Quản lý và tổ chức thực hiện các công việc có liên quan để cấp có thẩm quyền cung cấp cho tàu giấy tờ pháp lý hàng hải thuộc phạm vi kỹ thuật, các loại giấy tờ đăng kiểm, công ước quốc tế các loại giấy chứng nhận và an toàn hàng hải theo quy định. Theo dõi hạn đăng kiểm của các loại giấy tờ trên để có kế hoạch thay mới, gia hạn và định kỳ bảo quản bảo dưỡng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu đăng kiểm cho tàu.
- Xây dựng các định mức để áp dụng theo từng tàu, trên cơ sở theo thiết kế nhà chế tạo, khai thác tàu:



- Định mức về phụ tùng vật tư kỹ thuật thay thế, tiêu hao nhiên liệu, dầu nhớt, các loại sơn cho từng tàu.
- Dự trù kế hoạch và mua sắm phụ tùng, vật tư kỹ thuật, sơn đáp ứng yêu cầu sửa chữa, bảo quản, bảo dưỡng các tàu.
- Quản lý phụ tùng, vật tư kỹ thuật, sơn của đội tàu.

➤ **Vật tư**

Thực hiện chức năng tham mưu giúp việc và thừa lệnh của Tổng Giám đốc Công ty triển khai công tác cung ứng các loại vật tư, dịch vụ, nhiên liệu, dầu nhớt, mỡ cho đội tàu Công ty.

- Lập kế hoạch và tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc cung ứng cho nhu cầu của đội tàu Công ty về vật tư thay thế, vật tư kỹ thuật, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, dầu nhớt, mỡ, văn phòng phẩm, hải đồ, tài liệu hàng hải cho tàu; về giá cả các loại theo kế hoạch, theo đơn đặt hàng của đội tàu biển Công ty và các tàu Công ty được chỉ định làm đại lý, theo yêu cầu của phòng Kỹ thuật để phục vụ sửa chữa định kỳ.
- Xây dựng các biểu mẫu báo cáo, thống kê, các quy trình sử dụng hợp lý về vật tư, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, dầu nhớt, mỡ theo đúng định mức kỹ thuật, phù hợp với từng loại sản phẩm, từng tàu.
- Quan hệ trực tiếp với các đơn vị, tổ chức trong và ngoài nước để tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty ký các hợp đồng về mua sắm vật tư, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, dầu nhớt, mỡ phục vụ cho các tàu của Công ty có hiệu quả nhất.
- Quản lý, theo dõi và đối chiếu sổ sách cấp phát vật tư, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, dầu nhớt, mỡ; thống kê định mức theo chủng loại, định mức về vật tư và sử dụng vật tư; định mức tiêu hao nhiên liệu giữa sử dụng và tồn đọng các danh mục trên.
- Quyết toán các loại vật tư, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, dầu nhớt, mỡ đã cung ứng, trang bị cho đội tàu theo định mức và định kỳ thời gian (chuyến, tháng, quý, 6 tháng, năm).

➤ **Pháp chế - An toàn hàng hải**

Thực hiện chức năng tham mưu giúp việc và thừa lệnh của Tổng Giám đốc trong công tác pháp chế, quản lý an toàn hàng hải, công tác bảo hiểm của Công ty.

- Tham mưu giúp Tổng Giám đốc về việc thực hiện các chính sách về luật pháp Việt Nam, Bộ Luật hàng hải Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành; các quy tắc, quy định về hàng hải của Bộ Giao thông vận tải; luật pháp hàng hải quốc tế tại Công ty theo quy định.



- Quản lý và tổ chức thực hiện việc cấp các Giấy tờ đăng ký theo yêu cầu của Chính quyền hành chính.
- Thực hiện giải quyết và xử lý các vấn đề liên quan công tác pháp chế – an toàn hàng hải như đăng ký tàu biển, kháng nghị, tranh chấp, tố tụng, bồi thường hàng hải đối với tổn thất về người, tàu và hàng hóa.
- Theo dõi thu thập các thông tin liên quan đến an toàn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường để kịp thời thông báo cho các tàu và các cá nhân, đơn vị có liên quan.
- Đôn đốc, theo dõi và yêu cầu thuyền viên thực hiện đúng các nội quy, nhiệm vụ theo chức danh, quy trình công nghệ của các trang thiết bị kỹ thuật trong việc vận hành, bảo quản, sử dụng tàu để bảo đảm an toàn về người, hàng hoá, môi trường, phương tiện và tài sản của Công ty.
- Theo dõi việc định biên tối thiểu các tàu biển của Công ty, xem xét sự phù hợp với quy định của quốc gia và quốc tế, về sĩ quan thuyền viên được huấn luyện, đào tạo có đủ trình độ năng lực, bằng cấp chuyên môn theo quy định.
- Thực hiện mua bảo hiểm dân sự chủ tàu, các loại hình bảo hiểm kết hợp khác cho CB-CNV, SQTV Công ty.
- Kết hợp với các đơn vị chuyên môn trong Công ty để thực hiện các công việc có liên quan về điều tra, thanh tra, giải quyết pháp lý các vụ việc về tai nạn, đâm va, chìm đắm và các vấn đề liên quan đến bảo hiểm.
- Phân tích, cập nhật thông tin về thông báo hàng hải quốc tế, kịp thời thông báo cho các tàu biển Công ty để tu chỉnh hải đồ. Liên hệ đơn vị chức năng trong việc cấp phát hải đồ cho đội tàu Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ phát sinh về công tác pháp chế, an toàn hàng hải và các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc Công ty giao.

➤ **Quản Lý Chất lượng**

Là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc trong việc thực thi: Bộ luật Quốc tế về an ninh tàu và bến cảng (ISPS Code), Bộ luật Quản lý an toàn quốc tế (ISM-Code) trong phạm vi toàn Công ty.

- Triển khai, hướng dẫn, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện Bộ luật quản lý an toàn quốc tế (ISM Code) đối với các tàu cũng như các đơn vị, phòng, trạm trong hệ thống quản lý an toàn của Công ty.
- Triển khai, hướng dẫn, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện Bộ luật Quốc tế về an ninh tàu và bến cảng (ISPS Code) với các tàu của Công ty.



- Theo dõi việc duy trì hiệu lực của các Giấy chứng nhận phù hợp (DOC), Giấy chứng nhận quản lý an toàn (SMC), Giấy Chứng nhận quốc tế về An ninh tàu biển (ISSC) và các tài liệu, giấy tờ khác có liên quan đến ISM Code, ISPS Code.
- Kết hợp với Người phụ trách (Designated Person – DP) để báo cáo, đề xuất, xử lý và giải quyết kịp thời các sự cố, công việc có liên quan đến Hệ thống Quản lý An toàn – an ninh của Công ty.
- Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Tổng Giám đốc Công ty.
- Trưởng Phòng Quản Lý Chất Lượng được quan hệ, giao dịch trực tiếp với các đối tác trong nước và nước ngoài về lĩnh vực do mình phụ trách.
- Được quyền ký các văn bản, giấy tờ có liên quan tới nhiệm vụ của Văn phòng khi được Tổng Giám đốc ủy quyền.

➤ **Hành chính – Tổng hợp**

- Là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ thực hiện chức năng tham mưu giúp việc và thừa lệnh của Tổng Giám đốc trong công tác hành chính quản trị, văn thư lưu trữ và bảo vệ của Công ty theo các nguyên tắc, thủ tục, quy định của Nhà nước thuộc phạm vi văn thư hành chính.
- Triển khai thực hiện quyết định của Tổng Giám đốc Công ty về việc ban hành quy định công tác văn thư, lưu trữ và kiểm tra đôn đốc các phòng ban, các đơn vị trực thuộc Công ty thi hành tốt các quy định đó.
- Quản lý, sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa nhỏ các tài sản thuộc khối văn phòng Công ty. Báo cáo Tổng Giám đốc về kế hoạch bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ các tài sản trên.
- Quản lý và phục vụ các yêu cầu hội họp, mít-tinh, học tập chính trị, nghe thời sự, liên hoan văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao theo yêu cầu tổ chức tại phòng họp, hội trường Công ty (kể cả công tác trang trí).
- Quản lý nhà ăn tập thể và các công trình phúc lợi khác của Công ty.
- Thực hiện đúng quy định công việc hành chính cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, CBCNV Công ty bao gồm công tác về lễ tân, phục vụ theo nhu cầu công tác về phương tiện đi lại, chỗ làm việc, hội họp, phương tiện làm việc.
- Hàng năm xây dựng kế hoạch định kỳ (và đột xuất) trình Tổng Giám đốc Công ty quyết định cấp kinh phí mua sắm văn phòng phẩm, trang thiết bị phục vụ nhu cầu làm việc của khối văn phòng.



- Chấp hành, thực hiện tốt chủ trương bảo vệ an ninh tổ quốc và các nguyên tắc hành chính, trong đó liên hệ với cơ quan chức năng giải quyết giấy phép ra vào cảng, giấy phép lên tàu nước ngoài cho cán bộ, công nhân viên theo nhu cầu công tác. Duy trì và đảm bảo an ninh, trật tự thuộc phạm vi trụ sở Công ty 24/24. Quản lý người ra vào đúng theo nội quy Công ty quy định. Đảm bảo an toàn tài sản tại trụ sở Công ty.
- Và các nhiệm vụ khác theo quyết định chi tiết của Công ty.

➤ **Công nghệ thông tin**

Là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ thực hiện chức năng tham mưu giúp việc và thừa lệnh của Tổng Giám đốc trong công tác quản trị khai thác hệ thống công nghệ thông tin và viễn thông của Công ty.

- Tham mưu trình Tổng Giám đốc các văn bản ban hành nguyên tắc, thủ tục, quy định của Nhà nước thuộc phạm vi quản trị và khai thác hệ thống công nghệ thông tin Công ty.
- Quản lý toàn bộ hệ thống mạng vi tính, viễn thông (khối trên bờ, từ bờ ra tàu) của Công ty.
- Xây dựng và thực hiện chính sách về an ninh mạng vi tính, viễn thông dưới sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc Công ty.
- Duy trì thường xuyên các hoạt động thông tin, liên lạc thông suốt và hiệu quả giữa các Chi nhánh đơn vị trực thuộc Công ty, các tàu biển của Công ty (từ bờ ra tàu), theo chức năng lãnh đạo và các đơn vị khối văn phòng Công ty.
- Đề xuất trình Tổng Giám đốc các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành hoạt động Công ty. Có kế hoạch trình Tổng Giám đốc triển khai các công tác huấn luyện đào tạo công nghệ thông tin cho CB-CNV, SQTV Công ty.
- Lập kế hoạch đánh giá tình trạng kỹ thuật các trang thiết bị thuộc hệ thống mạng Công ty và bảo quản, bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị khối văn phòng Công ty.
- Tổ chức thực hiện các công việc về lưu trữ dự phòng các dữ liệu thuộc hệ thống mạng. Có kế hoạch dự trù kinh phí, thống kê và báo cáo trình Tổng Giám đốc mua sắm các máy móc vi tính, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ theo yêu cầu quản lý điều hành công tác sản xuất kinh doanh tại Công ty.

➤ **Quản lý Đóng tàu**

Là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ thực hiện chức năng tham mưu giúp việc và thừa lệnh của Tổng Giám đốc Công ty trong công tác triển khai và quản lý dự án đóng tàu biển.



- Lập kế hoạch, chương trình tổ chức tiếp nhận, triển khai dự án đóng tàu biển, đã được phê duyệt do Tổng Giám đốc Công ty giao.
- Trình & tổ chức lựa chọn Nhà máy đóng tàu theo đúng trình tự thủ tục và có đầy đủ năng lực thi công đóng tàu theo quy định của Nhà nước và Công ty để chủ đầu tư phê duyệt quyết định.
- Phối hợp với Nhà máy đóng tàu để tổ chức tốt lễ khởi công, lễ đặt ky, lễ hạ thủy, lễ bàn giao, tiếp nhận tàu đóng mới sau khi hoàn thành toàn bộ công trình.
- Thường xuyên làm việc trực tiếp với Ban đóng mới tàu biển Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam để kết hợp giải quyết các vấn đề có liên quan đến đóng tàu biển tại Nhà máy đóng tàu.
- Tổ chức thi công, theo dõi vận hành tàu đóng mới để phát hiện các khiếm khuyết về kỹ thuật. Thông báo và đôn đốc Nhà máy đóng tàu khắc phục các lỗi kể trên của Nhà máy, trong thời gian bảo hành sản phẩm.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ thị của Tổng Giám đốc.

➤ **Quản lý Xây dựng cơ bản**

Là bộ phận có chức năng tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc trong công tác quản lý việc xây dựng các công trình theo dự án khả thi của Công ty.

- Lập kế hoạch, chương trình tổ chức tiếp nhận, triển khai các dự án đầu tư xây dựng, hoàn chỉnh công trình theo các dự án đầu tư đã được phê duyệt do Tổng Giám đốc giao.
- Tổ chức việc lập thiết kế cơ sở, kỹ thuật thi công công trình đạt hiệu quả, có tác dụng tốt ở các giai đoạn tiếp theo.
- Tổ chức việc thực hiện các nội dung về trình tự đấu thầu; trình và tổ chức lựa chọn nhà thầu trong và ngoài nước phục vụ dự án xây dựng công trình theo đúng trình tự thủ tục và có đầy đủ năng lực theo quy định của Nhà nước và Công ty để chủ đầu tư phê duyệt.
- Theo dõi việc tổ chức thi công, giám sát thi công các công trình, theo dõi và phát hiện các khiếm khuyết của công trình trong thời gian được bảo hành, thông báo kịp thời để khắc phục và sửa chữa theo đúng hợp đồng
- Thực hiện các nhiệm vụ khác của Tổng Giám đốc giao.



➤ **Trạm Y tế hàng hải**

Là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ thực hiện chức năng tham mưu giúp việc và thừa lệnh của Tổng Giám đốc Công ty trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho CBCNV, SQTV trong Công ty.

- Thực hiện công tác vệ sinh phòng bệnh, phòng dịch; an toàn lao động, kết hợp công tác với bộ phận bảo hộ lao động Công ty.
- Có kế hoạch kiểm tra, giám sát các yếu tố độc hại trong môi trường lao động có ảnh hưởng sức khỏe của người lao động.
- Thực hiện mỗi CBCNV, SQTV phải có hồ sơ sức khỏe. Thống kê phân loại sức khỏe. Lập sổ theo dõi các bệnh kinh niên, mãn tính, bệnh xã hội và có kế hoạch chữa trị.
- Tổ chức sơ cứu, cấp cứu, khám chữa bệnh thông thường đồng thời gửi lên tuyến trên các trường hợp vượt quá khả năng của Trạm.
- Theo dõi khám sức khỏe cho người lao động, hằng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ. Khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho CBCNV, SQTV Công ty và khám sức khỏe cho nhân viên, SQTV mới trước khi được ký hợp đồng lao động với Công ty.
- Và các chức năng nhiệm vụ khác theo quyết định cụ thể của Vitranschart.

➤ **Thư Ký Công Ty**

Hội đồng Quản Trị chỉ định Thư Ký Công Ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Vai trò và nhiệm vụ của Thư Ký Công Ty bao gồm :

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị , Ban kiểm soát và Đại Hội Đồng Cổ Đông theo lịch của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban kiểm soát.
- b. Làm biên bản các cuộc họp.
- c. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp.
- d. Cung cấp các thông tin về tài chính, bản sao biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội Đồng Quản Trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty



3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty.

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết tại ngày 8/3/2010

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Nhà nước (*)Người đại diện:	Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	24.000.000	60,00%
A	Huỳnh Hồng Vũ	16 đường / Nam Phú/ Nam Long -Trần Trọng Cung – Q7 – HCM	7.200.000	18%
B	Trương Đình Sơn	100/2 Nguyễn Đình Chiểu, Phường ĐaKao, Q1, Tp. HCM	6.400.000	16%
C	Tô Tấn Dũng	3E/9 Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. HCM	5.200.000	13%
D	Lê Thị Lan	33 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Tp. HCM	5.200.000	13%
2	Quỹ tầm nhìn SSI	Tầng 5 – 1C Ngô Quyền - Hoàn Kiếm – HN	2.332.770	5,83%
	TỔNG CỘNG		26.189.357	65,83%

Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ ban đầu

Dựa theo công văn số 1751/CV-HĐQT ngày 27/11/2007 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc giới thiệu cán bộ tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quyết định số 1191/QĐ-HĐQT ngày 27/11/2007 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc cử người làm đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Nhà nước (*) Người đại diện:	Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	24.000.000	60%



STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
a	Huỳnh Hồng Vũ	16 đường / Nam Phú/ Nam Long - Trần Trọng Cung – Q7 – HCM	7.200.000	18%
b	Trương Đình Sơn	100/2 Nguyễn Đình Chiểu, Phường ĐaKao, Q1, Tp. HCM	6.400.000	16%
c	Tô Tấn Dũng	3E/9 Phở Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. HCM	5.200.000	13%
d	Lê Thị Lan	33 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Tp. HCM	5.200.000	13%
TỔNG CỘNG			24.000.000	60%

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 8/3/2010 như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu (Cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Trong nước	39.684.920	99%
2	Ngoài nước	315.080	1%
	Tổng	40.000.000	100%
1	Cá nhân	9.347.361	23%
2	Tổ chức	30.652.639	77%
	Tổng	40.000.000	100%
1	Nhà Nước	24.000.000	60%
2	CBCNV	1.395.128	3,49%
3	Khác	14.604.872	36,51%
	Tổng	40.000.000	100%

Nguồn: Vitranschart



4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký phát hành

Danh sách Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam như sau:

Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam	Tầng 17, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Phường Mai, Hà Nội	24.000.000	60%

Danh sách Công ty mà Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

Công Ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cung ứng dịch vụ hàng hải và xuất nhập khẩu Phương Đông (PDIMEX JSC) – Chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cung ứng dịch vụ hàng hải và xuất nhập khẩu Phương Đông (PDIMEXCO LTD)	438 Nguyễn Tất Thành, P.18, quận 4, TP.Hồ Chí Minh	18.000.000.000	56,67%
Công ty TNHH MTV Sửa chữa tàu biển Phương Nam (SSR LTD) – Chuyển đổi từ Chi nhánh – Xí nghiệp Sửa chữa tàu biển (SMC)	428 Nguyễn Tất Thành, P.18, quận 4, TP.Hồ Chí Minh	4.000.000.000	100,00%

5. Hoạt động kinh doanh:

5.1 Các chủng loại sản phẩm, dịch vụ:

a. Kinh doanh vận tải biển

Là lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty, chuyên về khai thác, thuê tàu.

Hiện nay, đội tàu Công ty hoạt động khắp thế giới, chuyên chở hàng rời và bao kiện, chủ yếu là hàng nông sản, bột giấy, thiết bị, lúa mì, gạo, đường, than đá, quặng, sắt, thép và các loại nông sản khác.

**b. Đại lý tàu biển**

Cùng với các mạng lưới chi nhánh trên toàn quốc, Công ty cung cấp dịch vụ đại lý tàu biển có hiệu quả tới khách hàng tại tất cả các cảng Việt Nam.

c. Môi giới và cung ứng xuất khẩu thuyền viên (SCC)

Trung tâm đào tạo môi giới và xuất khẩu Thuyền viên phía Nam (SCC) là đơn vị trực thuộc của Công ty, chuyên về dịch vụ cung ứng thuyền viên. Cụ thể, Trung tâm tuyển dụng, đào tạo và cung cấp thuyền viên có trình độ và kinh nghiệm cho các chủ tàu trên toàn thế giới. Ngoài ra, Trung tâm còn làm đại lý, môi giới thuyền viên cho các tàu trong và ngoài nước.

Hơn 1.200 thuyền viên có kinh nghiệm của Công ty đã và đang làm việc cho đội tàu của chính Công ty, các Công ty khác trong và ngoài nước như: Nhật Bản, Hy Lạp, Nga, Đài Loan và Hồng Kông.

d. Cung ứng dịch vụ và Xuất nhập khẩu (PDIMEX JSC)

Là công ty con của Vitranschart, chuyên xuất nhập khẩu trực tiếp tất cả các thiết bị, phương tiện, vật tư phục vụ cho ngành hàng hải; cung cấp các thiết bị, phụ tùng thay thế; phân phối sơn và dầu nhờn chất lượng cao, xuất nhập khẩu thạch cao, clinker, polozolana... và các dịch vụ hàng hải cho các tàu trong và nước ngoài tại Việt Nam.

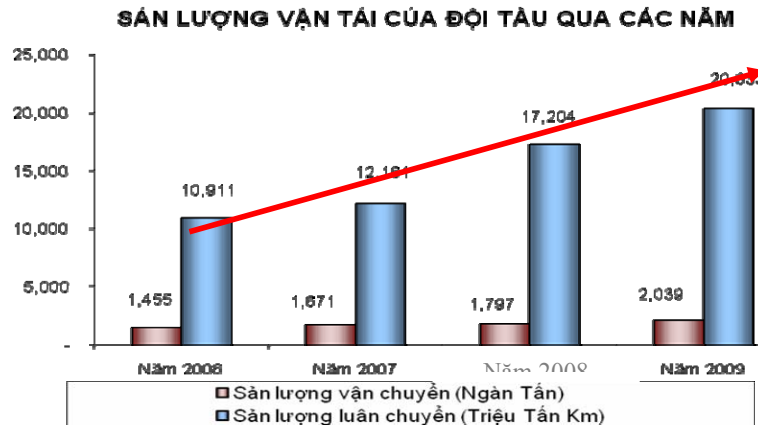
e. Sửa chữa và bảo dưỡng tàu (S.S.R)

Chuyên về sửa chữa, bảo dưỡng và cung cấp các loại máy móc tàu biển như máy chính, động cơ diesel và máy phụ như máy nén không khí, thiết bị tời neo, trục quay, thiết bị làm hàng, trục chân vịt và các loại máy bơm, hàn mặt boong, đáy, mạn, gõ rỉ và sơn tàu ...

5.2 Sản lượng, doanh thu từng nhóm sản phẩm, dịch vụ qua các năm:**a. Sản lượng vận tải:****Sản lượng vận tải qua các năm**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2008	Năm 2009	% 2009/2008	Q1 2010	% Q1 2010 /2009
Sản lượng Vận chuyển	Nghìn tấn	1.797	2.039	113%	800	39,2%
Sản lượng Luân chuyển	Triệu tấn-km	17.240	20.333	118%	3.420	16,8%

(*): Sản lượng luân chuyển = Sản lượng vận chuyển nhân với số km vận chuyển



Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2008, 2009 và BCTC QI/2010 của Vitranschart

Hành trình của các tàu Công ty thường thực hiện ở những chuyến đường xa nên có sự chênh lệch lớn giữa sản lượng vận chuyển và sản lượng luân chuyển trong năm.

b. Sản lượng hàng hoá thương mại:

Sản lượng hàng hoá nhập về để bán qua các năm (ĐVT: Tấn)

STT	Khoản mục	Năm 2008	Năm 2009	% 2009 /2008	QI 2010	% QI 2010 /2009
1	Clinker	241.753	90.614	37,5%		
2	Thạch cao	155.900	166.750	106,9%	81.553	48,9%
3	Xỉ cát	80.550	87.050	108%	20.280	23,3%
Tổng Cộng		478.203	344.414	72%	101.833	29,57%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2008, 2009 và BCTC QI/2010 của Vitranschart

Trong quý 1 năm 2010, Công ty chưa thực hiện các hợp đồng mua bán clinker

Hoạt động thương mại của Công ty chủ yếu thực hiện các hợp đồng mua bán nguyên vật liệu cho ngành xi măng. Với một số khách hàng truyền thống mua hàng từ Vitranschart, Công ty luôn giữ mối quan hệ này để thực hiện các hợp đồng thương mại. Dựa vào các đơn hàng và hợp đồng từ khách hàng, Công ty sẽ đặt hàng và vận chuyển về giao trực tiếp cho bên mua.

c. Hoạt động cho thuê tàu:

Hiện nay Công ty đang tự khai thác toàn bộ đội tàu và không còn tàu nào cho thuê theo hợp đồng định hạn.

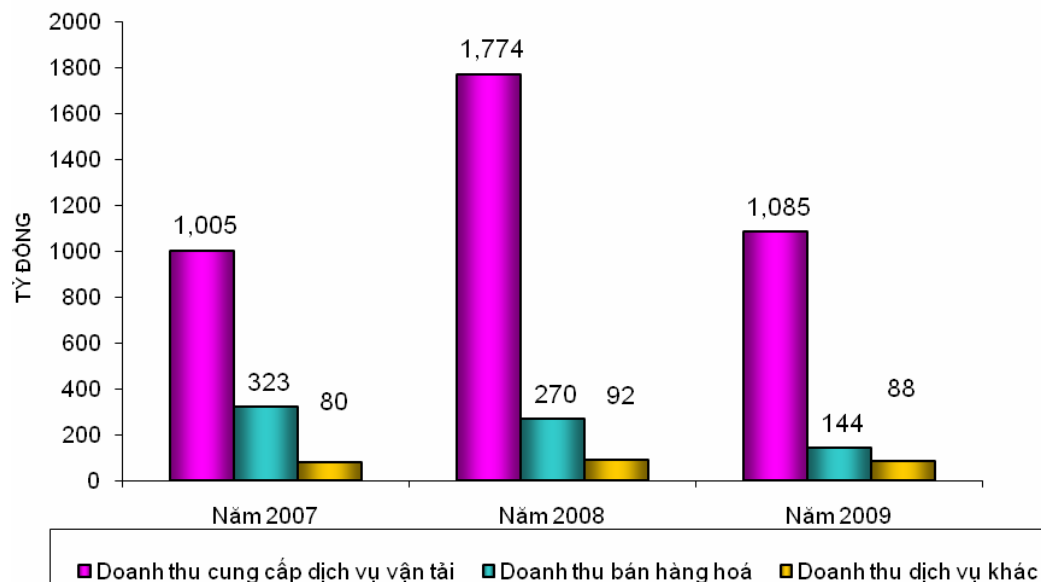


d. Doanh thu từng nhóm sản phẩm, dịch vụ qua các năm:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2008		Năm 2009			Q1 2010		
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	% 2009 /2008	Giá trị	Tỷ trọng	% Q1 2010 /2009
Doanh thu dịch vụ vận tải	1.774	83%	1.085	82,4%	61,2%	359	83%	33,1%
Doanh thu bán hàng hoá	270	13%	144	10,9%	53,3%	57	13%	39,6%
Doanh thu dịch vụ khác	92	4%	88	6,7%	95,7%	18	4%	20,5%
Tổng cộng	2.136	100%	1.317	100%	61,2%	434	100%	33%

DOANH THU THỰC HIỆN QUA CÁC NĂM



Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2008, 2009 và BCTC Q1/2010 của Vitranschart

Doanh thu chính của Công ty chủ yếu từ nguồn doanh thu vận tải tự khai thác, doanh thu thuê định hạn không đáng kể do khủng hoảng kinh tế, giá cho thuê định giảm quá thấp, cho thuê không hiệu quả nên Công ty đã giảm tỷ lệ trọng tải cho thuê và chuyển sang tự khai thác.

Năm 2009, cước thực hiện của đội tàu Công ty đối với 2 mặt hàng chính là gạo và đường giảm trung bình 40 - 45% so với 2008. Tuy nhiên, do dự báo được tình hình, có biện pháp và phương án đối phó với khó khăn, với 35 năm kinh nghiệm khai thác, quản lý tàu, có uy tín trên thị trường hàng hải, Công ty đã duy trì đội tàu hoạt động ổn



định, trên các tuyến truyền thống và tích cực khai thác thêm những tuyến mới (Châu Úc và Bắc Mỹ):

- ✚ Chở gạo xuất khẩu đi Tây Phi, Trung Mỹ, Đông Nam Á.
- ✚ Chở thuê đường khu vực Nam Mỹ - Tây Phi/ Trung Á/ Tây Á.
- ✚ Chở thuê nông sản khu vực Nam Á/ Nam Mỹ/ Đông Nam Á/ Bắc Phi/ Trung Đông.
- ✚ Chở lúa mì từ Châu Úc về Việt nam
- ✚ Chở thuê phân bón từ Châu Phi đi Bắc Mỹ
- ✚ Chở sắt thép từ Bắc Mỹ /Đông Nam Á.

Tính đến cuối tháng 12/2009, đội tàu Công ty có 16 chiếc với tổng trọng tải 304.400 DWT, tăng gần 18% so với cùng kỳ 2008 do được bổ sung 70.149 DWT từ việc đóng mới và mua sắm 03 tàu VTC Ocean (tháng 1/09), VTC Phoenix (tháng 2/09), VTC Ace (tháng 8/09). Trong năm 2009, Công ty đã bán thanh lý 04 tàu cũ, khai thác không hiệu quả, với tổng trọng tải 24.325 DWT, bao gồm 2 tàu dầu PMT1 & PMT2 (tháng 4/09), Viễn Đông 1 (tháng 11/09), Hawk One (tháng 12/09).

Doanh thu chính của Công ty chủ yếu từ nguồn doanh thu vận tải tự khai thác, doanh thu thuê định hạn không đáng kể do khủng hoảng kinh tế, giá cho thuê định giảm quá thấp, cho thuê không hiệu quả nên Công ty đã giảm tỷ lệ trọng tải cho thuê và chuyển sang tự khai thác.

Doanh thu các hoạt động khác thực hiện hơn 235 tỷ đồng, giảm gần 35% so với cùng kỳ và chỉ đạt gần 85% kế hoạch cả năm do hoạt động thương mại mua bán thạch cao, clinker (chiếm gần 63% tổng doanh thu kế hoạch các hoạt động khác) chỉ đạt 77% kế hoạch cả năm và chỉ đạt gần 54% so với cùng kỳ 2008

e. Doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu khác:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2008		Năm 2009			Q1 2010		
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	% 2009 /2008	Giá trị	Tỷ trọng	% Q1 2010 /2009
Doanh thu hoạt động tài chính	73.721	20,6%	60.755	33,9%	82,4%	11.575	97,8%	19,1%
Doanh thu khác	284.308	79,4%	118.648	66,1%	41,7%	255	2,2%	0,2%
Tổng cộng	358.029	100%	179.403	100%	50,1%	11.830	100%	6,6%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2008, 2009 và BCTC Q1/2010 của Vitranschart



Doanh thu khác của Công ty phát sinh tăng trong năm 2008 và năm 2009 là do bán thanh lý tàu đã qua sử dụng. Năm 2009 Công ty đã thực hiện thanh lý 4 tàu bao gồm 2 tàu dầu, tàu Viễn Đông 1 và tàu Hawk One.

5.3 Nguyên vật liệu:

Nhiên liệu tiêu hao cho hoạt động đội tàu

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2008	Năm 2009	% 2009 /2008	QI năm 2010	% QI 2010/2009
Dầu DO	90.614	67.080	74%	17.296	25,78%
Dầu FO	166.750	263.624	158%	89.515	33,96%
Dầu Nhờn	87.050	39.707	45,6%	9.073	22,85%
Tổng cộng	344.414	370.411	7,55%	115.884	31,29%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2008, 2009 và BCTC QI/2010 của Vitranschart

Nhiên liệu sử dụng cho đội tàu là dầu DO, Dầu FO và các loại dầu nhờn khác, giá trị tiêu hao nhiên liệu thực tế qua các năm được tính dựa trên sản lượng nhiên liệu thực tế sử dụng trong kỳ.

5.4 Chi phí sản xuất:

Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với doanh thu thuần như sau:

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2008		Năm 2009		QI 2010	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DT thuần	Giá trị	Tỷ trọng/ DT thuần	Giá trị	Tỷ trọng/ DT thuần
Doanh thu thuần	2.135.597		1,283,167		420.905	
Giá vốn hàng bán	1.899.027	88,92%	1.093.488	85,22%	334.496	79,47%
Chi phí bán hàng	45.612	2,14%	38.815	3,02%	11.535	2,74%
Chi phí QLDN	49.805	2,33%	44.740	3,49%	12.805	3,04%
Tổng cộng	1.994.444	93,39%	1.177.043	91,73%	358.836	85,25%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2008, 2009 và BCTC QI/2010 của Vitranschart



Chi tiết chi phí trong giá vốn hàng bán

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2008		Năm 2009		QI 2010	
		Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
1	Nhiên liệu	376.752	20%	332.009	20%	107.058	32%
2	Vật liệu , công cụ	77.341	4%	64.487	4%	13.176	4%
3	Khấu hao TSCĐ	666.126	35%	124.160	35%	54.571	16%
4	Lương CN trực tiếp	211.665	11%	159.797	11%	43.428	13%
5	BHXX ,KPCĐ , BHYT	7.372	0%	8.373	0%	1.845	1%
6	Tiền ăn	12.762	1%	14.336	1%	3.710	1%
7	Chi phí khác	547.008	29%	390.327	29%	110.707	33%
	<i>Trong đó: Hàng TM</i>	238.259	13%	238.259	13%	238.259	13%
Tổng cộng		1.150.433	100%	1.093.488	100%	334.496	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2008, 2009 và BCTC QI/2010 của Vitranschart

Chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí giá vốn là chi phí nhiên liệu. Giá dầu trong năm 2009 tăng đáng kể so với năm 2008 dẫn đến cơ cấu chi phí nhiên liệu trong giá vốn tăng từ 20% trong năm 2008 lên 30% trong năm 2009.

Chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong cơ cấu giá vốn là chi phí khác, đây là chi phí hàng hóa của hoạt động thương mại. Cơ cấu chi phí này ổn định qua các năm.

Chi phí tài chính và chi phí khác:

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2008		Năm 2009		QI/2010	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DT thuần	Giá trị	Tỷ trọng/ DT thuần	Giá trị	Tỷ trọng/ DT thuần
Doanh thu thuần	1.408.350		2.135.597		420.905	
Chi phí tài chính	221.331	15,72%	171.732	8,04%	41.950	9,96%
Chi phí khác	11.591	0,82%	39.441	1,85%	1.031	0,25%
Tổng cộng	232.922	16,54%	211.173	9,89%	42.981	10,21%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2008, 2009 và BCTC QI/2010 của Vitranschart

**5.5 Trình độ công nghệ:****a) Trang thiết bị sản xuất:**

Công ty luôn xác định đầu tư các phương tiện vận chuyển, thiết bị công nghệ tiên tiến là một trong những yếu tố quan trọng góp phần trong chiến lược phát triển dài hạn của Công ty. Do đó, Công ty đã tìm hiểu tiếp xúc để phát triển công nghệ vừa khai thác hiệu quả những thế mạnh và nguồn lực hiện có của Công ty vừa phát triển công nghệ, nâng cao lợi thế cạnh tranh và đảm bảo sự phát triển bền vững trong tương lai của doanh nghiệp. Ngoài ra, công tác quản lý kỹ thuật và hiện đại hóa quy trình dịch vụ để phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia và hệ thống tiêu chuẩn quốc tế cũng luôn được cập nhật. Hiện tại đội tàu Công ty là 16 chiếc với tổng trọng tải là 304.400 DWT. Các tàu còn lại được trang bị hiện đại đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của công ước quốc tế, đảm bảo điều kiện kỹ thuật và an toàn theo yêu cầu của các tổ chức an toàn và an ninh trên thế giới. Đội tàu của Công ty có đủ điều kiện để thực hiện các hành trình trên tất cả các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Công ty đã sử dụng nguồn vốn tự có, tìm kiếm nguồn vốn vay thương mại, thanh lý 4 tàu cũ để đầu tư mua 2 tàu dạng handysize theo hướng cơ cấu lại và trẻ hóa đội tàu

BẢNG KÊ CÁC ĐỘI TÀU CỦA CÔNG TY ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2009

STT	TÊN TÀU	LOẠI	NĂM/ NƠI ĐÓNG	TRỌNG TẢI/ MÓN NƯỚC	DUNG TÍCH CHỨA HÀNG (m3)		THIẾT BỊ LÀM HÀNG
					RỜI	BAO (KIỆN)	
1	FAR EAST	Tweedeck (General cargo)	1982 / UK	15.175			1 x 2.5T 2 x 5T 1 x 2.5T
2	PHUONG DONG 1	Tweendeck (General cargo)	1986 / UK	15,136 / 8.872	21.379	19.536	1 x 3.5T 3 x 7.5T 1 x 3.5T
3	PHUONG DONG 2	Tweendeck (General cargo)	1986 / UK	15,120 / 8.867	21.379	19.536	1 x 3.5T 3 x 7.5T 1 x 3.5T
4	PHUONG DONG 3	Tweendeck (General cargo)	1986 / UK	15,147 / 8.867	21.379	19.536	1 x 3.5T 3 x 7.5T 1 x 3.5T
5	VIEN DONG 3	Singledack (Bulk cargo)	2004 / Vietnam	6,523.3 / 6.957	8,610	8.159	2 x 25T 2 x 25T
6	VIEN DONG 5	Singledack (Bulk cargo)	2005 / Vietnam	6,058 / 6.950	8,610	8.159	2 x 25T 2 x 25T
7	VTC STAR	Singledack (Bulk cargo)	1990 / Japan	22,273 / 9.115	29.301	28.299	4 x 30T
	VTC SKY	Singledack	1997 / Japan	24,260 /	30.847	30.094	4 x 30T

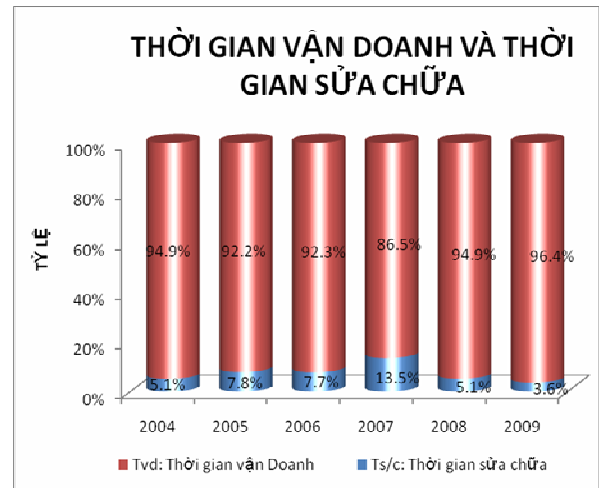


8		(Bulk cargo)		9.721			
9	VTC LIGHT	Singledeck (Bulk cargo)	1995 / Japan	21,964 / 9.115	29.254	28.298	4 x 30T
10	VTC GLOBE	Singledeck (Bulk cargo)	1995 / Japan	23,726 / 9.566	30.169	31.249	4 x 30T
11	VTC DRAGON	Singledeck (Bulk cargo)	2007 / Vietnam	22,500 / 9.500	29,156.72	28,964.42	4 x 30T
12	VTC SUN	Singledeck (Bulk cargo)	1996 / Japan	23,581 / 9.518	30.847	30.094	4 x 30T
13	VTC PLANET	Singledeck (Bulk cargo)	1993 / Japan	22,176 / 9.115	29,301.27	28,298.54	4 x 30T
14	VTC OCEAN	Singledeck (Bulk cargo)	1999/ Philippines	23,492 / 9.520	30.847	30.094	4 x 30T
15	VTC PHOENIX	Singledeck (Bulk cargo)	2009 / Vietnam	22,763 / 9.500	29,156	28,964	4 x 30T
16	VTC ACE	Singledeck (Bulk cargo) (Bulk cargo)	1996 / Japan	24,157 / 9.417	29,463	28,768	3x 30T

Nguồn: Vitranschart

b) Tỷ lệ thời gian vận doanh và thời gian sửa chữa:

Trong năm 2009, Công ty đã duy trì và phát huy tốt việc giảm thời gian sửa chữa từ 5,1% trong năm 2008 xuống 3,6%. Trong năm 2009, qua đó tăng thời gian vận doanh từ 94,9% trong năm 2008 lên 96,4% trong năm 2009. Điều này chứng tỏ năm 2009 Công ty đã quản lý tốt, bên cạnh đó không để xảy ra bất kỳ một tai nạn nào, chi phí sửa chữa và mua sắm phụ tùng vật tư giảm, tiết kiệm hàng chục tỷ đồng.



Nguồn: Vitranschart

c) Thực hiện nghiệp vụ cho thuê thuyền viên

Công ty luôn cập nhật kiến thức cũng như trình độ chuyên môn cho đội ngũ Sĩ quan thuyền viên nhằm đáp ứng tốt nhất những yêu cầu cao của các cảng biển và quy định



trên các tuyến tàu vận chuyển theo công ước, qui định quốc tế. Số thuyền viên đang phục vụ cho các chủ tàu tính đến thời điểm 31 tháng 03 năm 2010:

✓	Thuyền viên đi cho các chủ tàu Nhật Bản:	110 SQTV
✓	Thuyền viên đi cho các chủ tàu Đài Loan:	39 SQTV
✓	Thuyền viên đi cho các chủ tàu Singapore:	6 SQTV
✓	Thuyền viên đi cho các chủ tàu trong nước :	10 SQTV
✓	Thuyền viên đi tàu Công ty:	389 SQTV
✓	Dự trữ:	546 SQTV

5.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

So với các đội tàu trong nước thì Vitranschart đang chiếm ưu thế về thị trường vận chuyển đi các nước Châu Mỹ, Châu Phi đây là những tuyến đường rất khó khăn, thời gian hoạt động dài, yêu cầu tình trạng kỹ thuật tốt, tàu lớn, cấp tàu không hạn chế, đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn tại cảng các nước cũng như thuyền viên có đầy đủ kinh nghiệm và bằng cấp.

Hiện nay, Công ty đang triển khai dự án nghiên cứu phát triển đội tàu và các điều kiện kỹ thuật cũng như trình độ của các thuyền viên để có thể vận chuyển hàng hoá vào thị trường Mỹ. Với mức phí cao và lượng hàng hoá giao thương giữa Mỹ và Việt Nam chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và các nước như hiện nay thì cơ hội phát triển cho Vitranschart rất khả thi.

5.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ:

a) Hệ thống quản lý chất lượng và chứng nhận chất lượng sản phẩm đang áp dụng:

Hiện nay Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý an toàn (ISM code) là phiên bản của ISO 9000 quản lý chất lượng cho ngành hàng hải. Công ty có giấy chứng nhận phù hợp (DOC) và mỗi tàu đều được cấp giấy chứng nhận an toàn quốc tế (SMC). Thuyền viên đều có đủ bằng cấp tuân thủ STWC-95 (Công ước quốc tế về tiêu chuẩn đào tạo và cấp bằng cho thuyền viên) phục vụ cho tời tàu Công ty và cho thuê. Các tàu Công ty được phân cấp kiểm tra kỹ thuật bởi các cơ quan đăng kiểm có uy tín trên thế giới như LR, NK... Công ty luôn tuân thủ các công ước quốc tế của IMO và chịu sự kiểm tra gắt gao của PSC (kiểm soát cảng quốc gia) của các nước trên thế giới.

b) Quy trình thực hiện các hợp đồng vận tải của Công ty:

Trong hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu dựa trên các Công ty môi giới trong và ngoài nước. Khi có hàng hóa cần vận chuyển thì các Công ty môi giới sẽ thông báo

cho Vitranschart thông qua bộ phận khai thác. Từ những thông tin các nhà môi giới cung cấp phòng khai thác sẽ lựa chọn các loại hàng hóa phù hợp tương ứng với mức giá và mức hoa hồng hợp lý để đạt hiệu quả cao nhất với các tàu. Sau khi ký hợp đồng vận chuyển với các đối tác, phòng khai thác sẽ triển khai thực hiện hợp đồng.

Quy trình khai thác tàu thực hiện thông qua các bước sau:

- Nguồn hàng: Việc xác định nguồn hàng thực hiện thông qua một trong các đối tác sau:
 - Tiếp xúc trực tiếp với chủ hàng
 - Thông qua nhà môi giới hàng hóa
 - Thông qua các Công ty giao nhận
- Xác định giá và đàm phán các điều khoản hợp đồng: Việc đàm phán được tiến hành dựa trên các mẫu hợp đồng chuẩn. Các hình thức hợp đồng bao gồm: Hợp đồng chuyển, hợp đồng định hạn và hợp đồng thuê tàu.

Giá cước được xác định dựa trên các điều kiện về hàng hoá, tuyến đường, cung cầu, phương thức giao nhận hàng hoá, chất lượng phương tiện thực hiện vận chuyển...và tùy theo từng hợp đồng mà phòng khai thác đưa ra mức giá cước có hiệu quả nhất làm cơ sở đàm phán ký kết hợp đồng.

- Lựa chọn phương tiện: Phương tiện được bố trí lựa chọn phải đảm bảo các yêu cầu về quy phạm đăng kiểm và công ước quốc tế liên quan. Ngoài ra phương tiện còn phải đảm bảo phù hợp với các yêu cầu của hợp đồng về chất lượng dịch vụ như: tuổi tàu, trọng tải, mớn nước, thuyền viên.
- Điều động tàu: Căn cứ vào các điều khoản hợp đồng và thông tin về hàng hoá, tàu sẽ được điều động một cách phù hợp để đảm bảo thực hiện đúng hợp đồng. Mọi thông tin về hoạt động hàng ngày của tàu sẽ được cập nhật 24/24 thông qua các thiết bị thông tin liên lạc. Tất cả các thông tin về hoạt động của tàu sẽ được kiểm soát, điều chỉnh và cập nhật cho người thuê tàu/chủ hàng và các bên liên quan theo yêu cầu của Người thuê tàu.
- Theo dõi việc thực hiện hợp đồng: Trong quá trình khai thác tàu phải luôn đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các điều khoản và điều kiện của hợp đồng thuê tàu theo đúng thông lệ quốc tế về vận tải đường biển.

c) Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm:

Các tàu Công ty có đầy đủ giấy chứng nhận của cơ quan đăng kiểm (LR, NK, VR...) về cấp tàu và các giấy chứng nhận Công ước quốc tế như SE, SR, SC, SMS, ISPS...đáp ứng yêu cầu của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) nhằm đảm bảo một cách tối đa về

an toàn tàu và bảo vệ môi trường cũng như cung cấp một dịch vụ vận tải hoàn hảo nhất. Đội tàu của Công ty luôn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật và tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn, an ninh và bảo vệ môi trường hàng hải như Bộ luật ISM Code, ISPS Code, LSA Code, v.v; và các Công ước quốc tế như SOLAS, MARPOL, STCW, CLC. Ngoài ra, đội tàu luôn được duy trì bảo dưỡng theo đúng kế hoạch, chịu sự giám sát, kiểm tra thường xuyên và định kỳ của Ban an toàn Công ty và của Cơ quan đăng kiểm, kho cảng, cơ quan bảo hiểm. Bên cạnh đó, Vitranschart còn tham gia Hiệp hội chủ tàu Việt Nam và tham gia các hoạt động của Hiệp hội Chủ tàu ASEAN (FASA), Hiệp hội Chủ tàu Châu Á (ASA) và những tổ chức quốc tế hữu quan khác nhằm học hỏi, chia sẻ những kinh nghiệm quản lý và các hoạt động sản xuất kinh doanh từ các thành viên trong hiệp hội.

d) Kiểm tra đánh giá hoạt động khai thác tàu biển sau chuyến công tác:

Sau mỗi chuyến công tác của các tàu, Công ty thực hiện việc kiểm tra đánh giá hoạt động của tàu khi về đến cảng Việt Nam. Các tiêu chí đánh giá và kiểm tra dựa trên các qui định của Bộ luật quản lý an toàn quốc tế về khai thác tàu an toàn và ngăn ngừa ô nhiễm trên biển (ISM-Code) và Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển (ISPS-Code), an toàn lao động, nội quy, quy chế, quy định về quản lý khai thác kinh doanh vận tải biển của Công ty, tiến hành kiểm tra đánh giá hoạt động toàn diện của tàu. Trong trường hợp kết quả kiểm tra tàu không đạt yêu cầu thì hội đồng kiểm tra đánh giá đưa ra các biện pháp khắc phục trước khi khai thác chuyến tiếp theo.

5.8 Hoạt động Marketing:

 Hoạt động quảng cáo:

Với đặc thù kinh doanh là vận tải biển quốc tế, Công ty cần thiết duy trì và phát triển các mối quan hệ với hệ thống môi giới quốc tế. Thông qua các kênh thông tin như báo chí, những website chuyên ngành, Công ty luôn quảng bá hình ảnh của mình và các dịch vụ mà Công ty cung cấp. Chi phí dành cho hoạt động quảng cáo Công ty trong năm 2006 là: 115 triệu đồng, năm 2007 tăng lên 400 triệu đồng, dự kiến chi phí thực hiện trong năm 2008 cho hoạt động quảng cáo, in thiệp, in brochure gần 703 triệu đồng. Năm 2009 là 407 triệu đồng dự kiến chi phí thực hiện trong năm 2010 cho hoạt động quảng cáo, in thiệp, in brochure gần 500 triệu đồng. Hàng năm Công ty tham gia các hội thảo của các hiệp hội các chủ tàu, các nhà môi giới trong và ngoài nước nhằm đưa thông tin Công ty đến với các đối tác bên ngoài.

 Hoạt động nghiên cứu thị trường

Hàng ngày phòng Khai thác và Phòng đầu tư phát triển Công ty luôn tìm hiểu, cập nhật các thông tin về tình hình vận chuyển, cung cầu vận chuyển hàng hoá trên thị trường



hàng hải quốc tế cũng như thị trường Việt Nam. Trong quá trình đàm phán, thỏa thuận mức giá cước với các chủ tàu Công ty dựa trên những đánh giá xu hướng và tình hình thị trường

Khuyến mãi

Trong hoạt động vận chuyển doanh nghiệp luôn đề cao năng suất hoạt động của các tàu sao cho có hiệu quả. Giảm dưới mức thấp nhất cho thời gian chờ và thời gian chạy không. Thể hiện rõ nhất là trong các hợp đồng xếp dỡ hàng hoá, Công ty có những điều khoản thưởng phạt cho các nhà cung cấp dịch vụ, các chủ tàu khi thực hiện công việc sớm hay chậm trễ làm trì hoãn hoạt động chạy tàu.

Chính sách giá

Công ty dựa vào nhu cầu vận chuyển hàng hoá trên thị trường và các điều kiện sẵn có của chủ hàng và Công ty mà đưa ra mức giá phù hợp cho từng hợp đồng. Giá cước vận chuyển của Công ty bảo đảm tính cạnh tranh, phù hợp với cung cầu của thị trường, đảm bảo lợi nhuận và kế hoạch của Công ty đề ra cho đội tàu. Tùy thuộc vào sự biến động của giá dầu trên thế giới mà Công ty sẽ có thay đổi giá bán để bù đắp chi phí đầu vào đồng thời phù hợp với mặt bằng giá chung trên thị trường quốc tế.

Hệ thống phân phối:

Hệ thống môi giới trên toàn thế giới và cả nước là một lợi thế cho Công ty để phát triển các dịch vụ vận chuyển hàng hóa của mình. Trong hoạt động thương mại thì Công ty thực hiện các hợp đồng mua bán trực tiếp với các đối tác trong nước và nhà cung cấp thường là từ Thái Lan.

5.9 Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ:

Doanh nghiệp chưa có nhãn hiệu hàng hóa nào đăng ký được bảo hộ.

5.10 Các Hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết:

Một số Hợp đồng cung ứng nguyên vật liệu và cung cấp sản phẩm tiêu biểu của Công ty được liệt kê trong bảng sau:

HỢP ĐỒNG THUÊ, MUA BÊN NGOÀI

STT	Khách hàng	Ngày ký	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng
1	Công ty TNHH MTV TM& VT Petrolimex	1/3/2009	Nhiên liệu	Theo giá thị trường và số lượng thực nhận
2	Công ty TM Xăng dầu đường biển (PMT)	31/12/2007	Nhiên liệu	Theo giá thị trường và số lượng thực nhận



STT	Khách hàng	Ngày ký	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng
3	CN Công ty CP Vận tải xăng dầu Vitaco	6/10/2008	Nhiên liệu	Theo giá thị trường và số lượng thực nhận
4	Công ty TNHH Hempel VN	02/2009	Sơn hàng hải	Theo giá thị trường và số lượng thực nhận
5	Công ty Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu (Petrolimex Bà Rịa Vũng Tàu)	1/9/2008	Nhiên liệu	Theo giá thị trường và số lượng thực nhận
6	Công ty TNHH Sơn Jotun VN	25/02/2009	Sơn	Theo giá thị trường và sản lượng thực hiện
7	Công ty TNHH TM&DV Xích Đạo	01/06/2008	Nhiên liệu	Theo giá thị trường và sản lượng thực hiện
8	Công ty Sơn tàu biển Vinashin	12/01/2009	Sơn	Theo giá thị trường và sản lượng thực hiện

Nguồn: Vitranschart

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

STT	Khách hàng	Ngày ký	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng
1	Alize Commodities - France	CP 18/12/09	Vận Chuyển	692.967,00
2	Crossland Marketing (2000) Pte Ltd. - Singapore	CP 07/10/09	Vận Chuyển	1.152.534,55
3	Crossland Marketing (2000) Pte Ltd. - Singapore	CP 03/12/09	Vận Chuyển	1.259.967,19
4	Crossland Marketing (2000) Pte Ltd. - Singapore	CP 04/11/09	Vận Chuyển	1.099.112,62
5	Nibulon SA - Switzeland	CP 16/10/09	Vận Chuyển	1.360.125,00
6	Noble Resources SA of Lausanne -	CP 29/09/09	Vận Chuyển	653.974,11
7	Noble Resources SA of Lausanne -	CP 09/11/09	Vận Chuyển	1.195.269,07
8	Noble Resources SA of Lausanne -	CP 06/01/10	Vận Chuyển	611.174,12
9	Orient Shipping Rotterdam BV -	CP 11/11/09	Vận Chuyển	716.921,94
10	Queenland Cotton Corp Pty Ltd - Brisbane	CP 04/09/09	Vận Chuyển	835.200,00
11	Transgrain Shipping BV - Holland	CP 24/09/09	Vận Chuyển	921.858,44
12	Transgrain Shipping BV - Holland	CP 18/08/09	Vận Chuyển	687.516,68
13	VA International	CP 19/10/09	Vận Chuyển	1.006.141,50

Nguồn: Vitranschart

**6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất:****6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm 2008, năm 2009 và quý 1 năm 2010.**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	% 2009/ 2008	Q1 2010	% Q1 2010 /2009
1	Tổng tài sản	2.557.143	2.798.420	109,44%	2.805.386	100,25%
2	Doanh thu thuần (DTT)	2.135.597	1.283.167	60,08%	420.905	32,80%
3	Giá vốn hàng bán	1.899.027	1.093.488	57,58%	334.496	30,59%
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(6.458)	1.147	N/A	31.693	2.763%
5	Lợi nhuận khác	272.717	79.207	29,04%	(775)	N/A
6	Lợi nhuận trước thuế	266.259	80.354	30,18%	30.918	38,48%
7	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	191.750	60.071	31,33%	24.425	40,66%
8	Tỷ lệ LNST / DTT	8,98%	4,68%	52,12%	5,8%	123,93%
9	Cổ tức đã trả (%)	25%				

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2008, 2009 và BCTC Q1/2010 của Vitranschart

Doanh thu thuần năm 2009 của toàn Công ty thực hiện 1.283 tỷ đồng, giảm gần 40% so với cùng kỳ và tương đương 81% kế hoạch do doanh thu chính của Công ty chủ yếu từ nguồn doanh thu vận tải tự khai thác, doanh thu thuê định hạn không đáng kể do khủng hoảng kinh tế, giá cho thuê định giảm quá thấp, cho thuê không hiệu quả nên Công ty đã giảm tỷ lệ trọng tải cho thuê và chuyển sang tự khai thác.

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2009 của toàn Công ty giảm mạnh. Nguyên nhân chủ yếu do cước vận tải biển giảm mạnh suốt thời gian dài với mức thấp kỷ lục trong vòng hơn mười năm qua. Lãi từ các hoạt động khác của Công ty trong năm 2008 và năm 2009 phát sinh từ việc thanh lý tàu, trong đó năm 2009 lãi từ thanh lý tàu hơn 58 tỷ (bao gồm lãi từ bán tàu Viễn Đông 1, tàu Hawk One).

Năm 2010 nền kinh tế thế giới có dấu hiệu hồi phục, giá cước vận tải biển tăng dẫn đến lợi nhuận hoạt động kinh doanh trong quý I năm 2010 đạt hơn 30 tỷ đồng.

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm qua:

Những khó khăn tác động đến hoạt động của Vitranschart:

- ✓ Đội tàu biển của Việt Nam nói chung và của Vitranschart nói riêng thiếu nguồn hàng vận chuyển: Thị phần vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu của đội tàu Việt Nam tăng chậm, một phần do chất lượng dịch vụ của đội tàu Việt Nam chưa cao, trong khi giá cước lại cao nên chưa có sức cạnh tranh với các đội tàu của các nước khác trên thế giới. Hơn nữa, chủ hàng của Việt Nam đã quen với tập quán bán với giá FOB dẫn tới người mua hàng ở nước ngoài được "mua tận gốc" và có quyền chỉ định tàu chuyên chở. Mặt khác, các chủ hàng ngoại thường bán với giá CIF tức là "bán tận ngọn" và dành luôn quyền lựa chọn tàu chuyên chở.
- ✓ Những thay đổi lớn trong ngành hàng hải quốc tế gần đây như áp dụng Bộ luật an toàn hàng hải ISM Code, an ninh hàng hải ISPS, bộ luật về đào tạo và cấp chứng chỉ cho thuyền viên STCW 95 hay tình trạng cướp biển và khủng bố quốc tế... đã, đang và sẽ còn là gánh nặng không nhỏ cho Công ty.
- ✓ Khủng hoảng kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng
- ✓ Hiện nay các Công ty liên doanh được phép sản xuất đầu tư khép kín từ sản xuất kinh doanh cảng, vận tải biển, đại lý hàng hải đã làm cho cạnh tranh trong dịch vụ vận tải biển trở nên phức tạp hơn. Đòi hỏi Công ty phải cải tiến kỹ thuật, đầu tư mới đội tàu, trẻ hóa đội tàu hiện đại hơn, nâng cao chất lượng dịch vụ mới có thể cạnh tranh được với các đối thủ khác.

Những thuận lợi tác động đến hoạt động của Vitranschart:

- ✓ Thực hiện theo định hướng phát triển đội tàu biển của cả nước, Công ty được hỗ trợ, ưu đãi về lãi suất, về thuế thu nhập để đóng mới các tàu, gia tăng năng lực vận chuyển của Công ty.
- ✓ Kinh nghiệm làm việc của các thuyền viên giúp Công ty phát triển mạnh các các tuyến vận chuyển truyền thống như vận chuyển lương thực đi Cuba, vận chuyển hàng hóa nông sản khác qua lại giữa các nước thuộc Châu Mỹ và Châu Phi. Đây là thị trường mà Vitranschart đang có lợi thế khai thác, hiện nay chưa có nhiều Công ty trong nước khai thác các tuyến này.

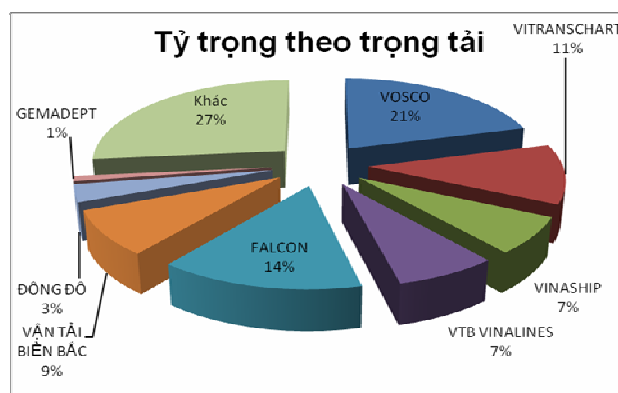
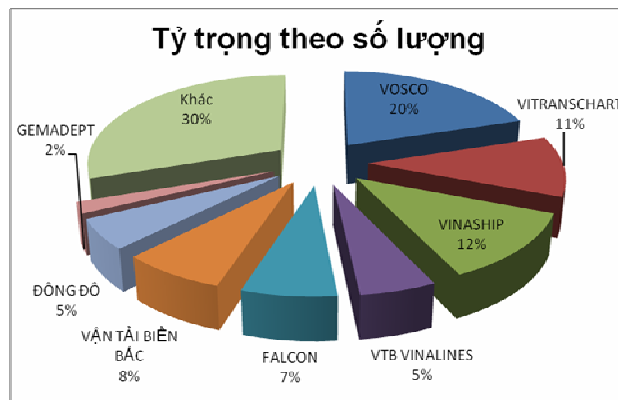
7. Vị thế của Công ty so với các Công ty khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của Công ty trong ngành:

Là đơn vị thuộc Tổng Công ty hàng hải Việt Nam, Công ty được hỗ trợ trong việc vay vốn ưu đãi phát triển các đội tàu theo các chương trình của Chính phủ. Công ty đã tích lũy được kinh nghiệm trong việc quản lý và phát triển kinh doanh Vận tải biển là một ngành tương đối đặc thù. Công ty có nguồn nhân lực đủ khả năng và kinh nghiệm để tổ chức kinh doanh vận hành đội tàu của Công ty.

So với một số đối thủ cạnh tranh trên thị trường, điểm mạnh của Vitranschart là năng lực đội tàu vận tải hàng khô lớn, chuyên nghiệp, chủ động thời gian, lịch trình tàu. Ngoài ra, sự đa dạng hóa về cơ cấu phương tiện vận chuyển có thể đáp ứng nhu cầu vận chuyển mọi lúc, mọi nơi với yêu cầu cao về khối lượng, chất lượng và tiến độ. Đội ngũ quản lý Công ty có bề dày kinh nghiệm cổ đông sáng lập, các nhà đầu tư vào Công ty đều là những người có bề dày kinh nghiệm trong các lĩnh vực mà Công ty kinh doanh.

Vị thế của Vitranschart trong Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam



Nguồn: Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam

Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam có số lượng tàu và tổng trọng tải chiếm hơn 50% so với số lượng tàu và tổng trọng tải của cả Việt Nam.

Vitranschart so với một số Công ty lớn trong nước tính đến 31 tháng 12 năm 2009.

TÊN CÔNG TY	Số lượng tàu	Tổng trọng tải (Dwt)	Tải trọng bình quân/tàu
VOSCO	30	560.600	18.687
VITRANSCHART	16	304.000	19.000
VINASHIP	18	187.000	10.389
VTB VINALINES	8	196.000	24.500
FALCON	10	390.000	39.000
VẬN TẢI BIỂN BẮC	11	229.000	20.818
ĐÔNG ĐÔ	8	89.000	11.125
GEMADEPT	3	27.000	9.000

Nguồn: Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam

Số lượng tàu trong năm 2009 của Vitranschart là 16 tàu đứng thứ 3 chỉ sau VOSCO và VINASHIP trong các doanh nghiệp có quy mô lớn trong ngành vận tải biển. Tổng trọng tải của doanh nghiệp tại thời điểm hiện tại nhỏ hơn VTB vinalines và FALCON.

Vitranschart đã tham gia xuất khẩu dịch vụ vận tải biển (chở thuê cho nước ngoài). Hoạt động mang tính quốc tế hóa rất cao này đã chứng minh một phần trình độ, năng lực quản lý, điều hành của Công ty vận tải biển hàng đầu Việt Nam. Chất lượng sản phẩm dịch vụ vận tải biển của các Công ty đã được thị trường khu vực và quốc tế chấp nhận.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành Vận tải biển:

Vận tải biển là một ngành đầu tư nặng vốn với tỷ suất lợi nhuận không cao như nhiều ngành khác và đòi hỏi sự gắn kết lâu dài, đồng thời có những đặc thù rất riêng biệt và có tính quốc tế rất cao ngay từ ngày đầu hình thành. Do vậy, công tác quy hoạch phải được thực hiện một cách khoa học theo hướng hiện đại hóa và phù hợp sự phát triển của quốc tế và khu vực. Quy hoạch phát triển đội tàu đã được phê duyệt tại Quyết định số 1366/QĐ-TTg ngày 18.10.2006, theo đó đến nay Vinalines đã đầu tư đạt 2,7 triệu



DWT (phần đầu 2010 đạt 3 triệu DWT) hoàn thành vượt mức giai đoạn kế hoạch phát triển 2006 – 2010 với mục tiêu 2,6 triệu DWT.

Tuy nhiên, việc tổ chức thực hiện thành công quy hoạch nói trên là một vấn đề khác. Quan sát sâu hơn sự phát triển của đội tàu thuộc Vinalines đến nay cho thấy còn manh mún, dàn trải và thiếu sự phân công tập trung các mảng tàu theo kích cỡ hoặc loại tàu khác nhau cho các đơn vị thành viên dẫn đến trùng lặp, dẫm chân nhau trong kinh doanh. Kể từ năm 2000 đến nay, sự phát triển ngày càng mạnh đội tàu của các đơn vị khác như Vinashin hoặc các đơn vị thuộc Petrovietnam càng làm tình hình trở nên phức tạp. Bức tranh đội tàu quốc gia hiện nay cho thấy sự phát triển mang tính tự phát của các đơn vị nói trên đang thiếu một đầu tàu định hướng chiến lược để công tác đầu tư thực sự phát huy hiệu quả hơn, tránh dẫm chân cạnh tranh lẫn nhau ngay trong nội bộ Vinalines và ngành vận tải biển Việt Nam gây lãng phí trong đầu tư và khó khăn trong kinh doanh.

Bên cạnh đó, việc đầu tư cần phải có mũi nhọn để tập trung vốn hiệu quả, tránh dàn trải trên nhiều loại tàu nhưng với quy mô nhỏ hẹp

7.3. Định hướng chiến lược phát triển của Công ty:

Vấn lấy vận tải biển là ngành chủ đạo và mũi nhọn (chiếm 70 – 80% doanh thu và lợi nhuận toàn công ty). Trước mắt vẫn tiếp tục phát triển đội tàu hàng khô rời hiện nay theo hướng hiện đại hóa. Giai đoạn tiếp theo sẽ nghiên cứu phát triển đội tàu dầu sản phẩm các loại kinh doanh container để đón bắt chu kỳ phát triển kế tiếp của mảng thị trường này (dự báo sau hai năm từ 2010).

20 – 30% còn lại đa dạng hóa sang các ngành nghề khác, trong đó :

- Thương mại sẽ được chú trọng phát triển trên nền tảng công ty thành viên Pdimex JSC (hiện chủ yếu kinh doanh nguyên vật liệu xây dựng và các vật tư phục vụ vận tải biển như dầu nhờn, phụ tùng, vật tư ...);
- Đầu tư bất động sản gắn liền xây dựng cao ốc phức hợp cho thuê trên cơ sở tài nguyên sẵn có của công ty tại Tp.Hồ Chí Minh và các địa phương có chi nhánh;
- Từng bước đầu tư vào các khâu trong chuỗi logistics, trong đó chủ yếu là kho bãi, trucking và barging;
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển cũng sẽ được tiếp tục đầu tư theo hướng phục vụ sửa chữa đầu bến cho các tàu ghé cảng Việt Nam, chủ yếu khu vực Tp.Hồ Chí Minh – Bà Rịa – Vũng Tàu và phía Nam.
- Đầu tư tài chính có thể được xem xét tùy theo cơ hội thị trường



8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Tình hình lao động

Tại thời điểm 31/12/2009, tổng số lao động trong Công ty là 1.510 người. Cơ cấu lao động phân loại như sau:

Bảng 8.1.1: Cơ cấu lao động đến thời điểm 31/12/2009

STT	Chỉ tiêu	Số CB.CNV	Tỷ trọng
	Tổng số lao động	1.510	100%
1	Phân theo trình độ lao động	1.510	100%
	Tiến sĩ	1	0,1%
	Thạc sĩ	11	0,7%
	Đại học	509	33,7%
	Cao đẳng	164	10,9%
	Trung cấp	203	13,4%
	Công nhân kỹ thuật	369	24,4%
	Trình độ khác	253	16,8%
2	Phân theo công việc	1.510	100%
	Khối trên bờ	431	28,5%
	Khối thuyền viên	1.079	71,5%
3	Phân theo hợp đồng lao động (HĐLĐ)	1.510	100%
	HĐLĐ không thời hạn	613	40,6%
	HĐLĐ từ 1 đến 3 năm	739	49,0%
	HĐLĐ dưới 1 năm	158	10,4%

Nguồn: Vitranschart



8.2. Chính sách đối với người lao động

Về chế độ làm việc nghỉ ngơi:

Do tính đặc thù của ngành nên Công ty đã vận dụng các chính sách có lợi hơn cho người lao động như: Khối phục vụ và quản lý (trên bờ) làm việc 05 ngày/tuần, còn đối với khối thuyền viên làm việc trên tàu biển là lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm nên đã thực hiện giảm thời gian làm việc là 2giờ/ngày.

Về chính sách tuyển dụng:

Hàng năm Công ty tuyển dụng lao động đến trên 100 lao động, trong đó Sĩ quan thuyền viên theo nhu cầu từ 80-90 lao động, nguồn lao động này từ sinh viên các trường Đại học, Sĩ quan thuyền viên từ các đơn vị trong ngành chuyển đến. Việc tuyển dụng lao động qua một quy trình chặt chẽ, nên tuyển chọn được lao động có chất lượng phù hợp, đáp ứng được yêu cầu phát triển Công ty trong từng giai đoạn. Số lao động tuyển dụng được ký hợp đồng lao động ngay, đúng quy định, do vậy người lao động yên tâm và gắn bó với Công ty.

Song song đó, Công ty cũng có những quy định, kỷ luật chặt chẽ đối với người lao động về các chế độ chấm dứt hợp đồng lao động, trợ cấp thôi việc theo đúng luật.

Về chính sách đào tạo:

Trong thời gian qua Công ty đã đầu tư cho đội ngũ CBCNV với mục tiêu có đầy đủ tri thức phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, do vậy Công ty đã tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, kiến thức quản lý kinh tế, kỹ thuật, ngoại ngữ cho CBCNV theo đúng quy trình tuyển dụng lao động và quản lý, thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động. Hình thức đào tạo phong phú, tại chỗ, tại các trường, trên các tàu, trong và ngoài nước.

Đối với cán bộ quản lý kinh tế, kỹ thuật: Công ty tập trung bồi dưỡng, cập nhật các kiến thức về quản lý kinh tế, quản lý đấu thầu, đầu tư, luật thương mại, kỹ thuật và các chuyên đề về chuyên môn nghiệp vụ ngắn ngày, chế độ chính sách về lao động dôi dư, các công tác về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, thi nâng bậc, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tuyển dụng v.v...

Về chính sách lương, thưởng và phúc lợi:

✓ Chính sách lương – thưởng:

Công ty có Quy chế về tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng, phúc lợi hấp dẫn nhằm thu hút lao động có chất lượng tốt về làm việc và gắn bó với Công ty, tạo điều kiện thuận



lợi nhất để CBCNV, SQTV thỏa mãn nhu cầu phát triển, khẳng định bản thân và có cơ hội tốt nhất để đóng góp vì sự phát triển bền vững của Công ty.

Trong năm 2009, mặc dù suy giảm kinh tế toàn cầu, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng Công ty đã cố gắng tiền lương dù chưa bằng năm 2008 (năm cao nhất), nhưng bảo đảm mức lương người lao động cao hơn năm 2007, như thống nhất tại Hội nghị người lao động Công ty năm 2009, đây là một cố gắng lớn của Công ty về thu nhập để thu hút và giữ chân người lao động tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty.

Định kỳ, sau mỗi chuyến đi của các tàu, Công ty có đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyến đi để xét thưởng phù hợp, đặc biệt vào dịp kết thúc năm 2009, khuyến khích được các tàu hoàn thành tốt nhiệm vụ; cuối năm đều có tiền thưởng có giá trị từ 1,5 - 2,5 tháng lương thực trả trong năm 2009.

✓ **Phúc lợi Công ty**

Phục vụ cho các hoạt động chung, cũng như tham quan du lịch trong và ngoài nước; đồng thời chăm lo các hoạt động xã hội bản thân người lao động tại Công ty, như quỹ khuyến học cho con em người lao động học giỏi, gia đình có khó khăn; thăm hỏi gia đình thuyền viên.

9. Chính sách cổ tức

Theo chiến lược phát triển của Công ty trong những năm tới, Công ty luôn đặt mục tiêu trả cổ tức năm sau cao hơn năm trước. Kế hoạch trả cổ tức hàng năm được ĐHĐCĐ thông qua dựa trên kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận của Công ty. Hàng năm, Công ty sẽ trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế trả cổ tức theo đúng kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể như sau:

Bảng 10.1: Tỷ lệ cổ tức dự kiến chi trả trong năm 2010 - 2012

Cổ tức	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Tỷ lệ	12%	15%	15%

Nguồn: Vitranschart

10. Tình hình hoạt động tài chính

Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam. Công ty áp



dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Trích khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình.

Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận theo ba tiêu thức nguyên giá, hao mòn và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao TSCĐ hữu hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, căn cứ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và nguyên giá của tài sản. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ - BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính và Công văn số 7136/TC/TCDN ngày 28/06/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về thời gian khấu hao tàu đóng mới của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam. Số năm khấu hao của các loại TSCĐ như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian sử dụng
- Nhà cửa vật kiến trúc	Từ 5 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	Từ 3 – 8 năm
- Phương tiện vận tải	Từ 3 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	Từ 3 – 8 năm

- Riêng năm 2009, đội tàu Vitranschart JSC được giảm 50% chi phí khấu hao theo công văn số 17274/BTC-TCDN của Bộ Tài chính ngày 10/12/2009.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình.

Quyền sử dụng đất: Là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.



Phần mềm máy tính: Là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 3 năm.

Thu nhập bình quân

Mức thu nhập bình quân của công nhân viên Công ty được đánh giá là tương đương so với các công ty cùng ngành. Khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty có kế hoạch tăng dần thu nhập qua các năm, đảm bảo tốc độ tăng lương cao hơn tốc độ trượt giá sinh hoạt và nâng cao đời sống của công nhân viên.

Bảng 10.1.2: Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2007	2008	2009
Thu nhập bình quân/tháng	8.318.800	11.257.400	10.000.000

Nguồn: Vitranschart

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2008-2009, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước.

❖ Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp nộp thuế VAT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất đối với các loại hàng hóa dịch vụ như sau:

Dịch vụ cung cấp cho tàu nước ngoài, khu chế xuất mức thuế: Không chịu thuế

Hoạt động vận tải thủy bộ 5%

Dịch vụ sửa chữa, container, kho bãi, bán hàng hóa,... 10%

❖ Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đang áp dụng tại Vitranschart là 25%/năm trên thu nhập chịu thuế.

❖ Thuế khác

Các khoản thuế sẽ thay đổi tùy theo các quy định về thuế của Chính phủ trong những năm tới.



Trích lập các Quỹ

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập, sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành. Trong năm 2009 Công ty trích lập quỹ đầu tư phát triển 5%, quỹ khen thưởng phúc lợi 10%, quỹ dự phòng tài chính 5%.

Tổng dư nợ vay

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
Vay ngắn hạn	286.447	380.058	377.502
Vay dài hạn	1.366.993	1.625.570	1.572.211
Tổng Cộng	1.653.440	2.005.628	1.949.713

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2008, 2009 và BCTC QI/2010 của Vitranschart

Công ty vay nợ ngắn hạn để bù đắp vào nguồn vốn lưu động nhằm thanh toán các khoản chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty

Các khoản vay trung và dài hạn dùng để mua hoặc đóng mới các tàu

Tình hình công nợ - các khoản phải thu

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
Phải thu ngắn hạn	83.856	97.920	138.125
Phải thu khách hàng	37.223	46.646	39.555
Trả trước cho người bán	44.424	42.971	82.684
Các khoản phải thu khác	2.766	9.190	16.773
Dự phòng ngắn hạn khó đòi	(557)	(887)	(887)

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2008, 2009 và BCTC QI/2010 của Vitranschart



Tình hình công nợ - các khoản phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
Nợ ngắn hạn	677.984	654.578	648.037
Vay và nợ ngắn hạn	286.447	380.058	377.502
Phải trả người bán	60.469	74.858	94.557
Người mua trả tiền trước	48.813	40.224	3.232
Thuế và các khoản phải nộp NN	33.623	9.743	1.333
Phải trả công nhân viên (1)	67.794	43.523	38.554
Chi phí phải trả	47.287	36.471	46.842
Phải trả khác (2)	133.551	69.700	69.375
Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	16.642
Nợ dài hạn	1.375.803	1.651.038	1.645.335
Phải trả dài hạn người bán	7.066	6.893	6.893
Phải trả dài hạn khác	-	8.163	8.163
Vay và nợ dài hạn	1.366.994	1.625.570	1.572.211
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	9.444	11.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.742	967	793
Doanh thu chưa thực hiện (*)			46.275

(*): Phát sinh do thay đổi theo thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

(1): Phải trả công nhân viên: Vì tính đặc thù của ngành, phần lớn nhân viên Công ty là làm việc trên các tàu và thời gian các thuyền viên đi trên tàu rất lâu có khi lên đến hơn một năm mới về Việt Nam, nên các chi phí phải trả cho cán bộ công nhân viên khá cao là do tàu chưa về nên chưa nộp chứng từ quyết toán các chi phí phải trả cho các thuyền viên vào thời điểm báo cáo.



(2) Phải trả khác: Chủ yếu là khoản phải trả về cổ phần hóa, phần thặng dư vốn cổ phần sau khi bán đấu giá ra công chúng mà Công ty phải trả về cho Tổng Công ty hàng hải.

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2008, 2009 và BCTC QI/2010 của Vitranschart

Tính đến thời điểm 31/3/2010 Công ty không có nợ quá hạn

11. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ Tiêu	Năm 2008	Năm 2009
1. Chỉ tiêu khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,68	0,45
- Hệ số thanh toán nhanh	0,37	0,10
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	80,32%	82,39%
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	408%	468%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho	42,93	18,41
- Vòng quay tổng tài sản	0,84	0,48
- Vòng quay tài sản cố định	1,04	0,57
- Vòng quay các khoản phải thu	57,37	30,60
- Vòng quay các khoản phải trả	28,12	14,65
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	8,98%	4,68%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	39,77%	12,57%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	47,94%	15,02%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	7,50%	2,15%
5. Chỉ tiêu EPS (Lãi cơ bản trên cổ phiếu)	4.794	1.502
6. Chỉ tiêu giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu)	11.947	12.054

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2008, 2009 và BCTC QI/2010 của Vitranschart

**12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng**

STT	Tên	Năm sinh	Số CMND	Chức danh
I	Hội đồng quản trị			
1	Huỳnh Hồng Vũ	1957	022600961	Chủ tịch HĐQT
2	Trương Đình Sơn	1955	020140622	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Lê Thị Lan	1955	024415878	Thành viên HĐQT
4	Tô Tấn Dũng	1959	022640540	Thành viên HĐQT
5	Tô Thị Thu Vân	1971	023208775	Thành viên HĐQT
6	Nguyễn Minh Cường	1974	022718191	Thành viên HĐQT
II	Ban Giám đốc			
1	Trương Đình Sơn	1955	020140622	Tổng Giám đốc
2	Lê Thị Lan	1955	024415878	Phó Tổng Giám đốc
3	Huỳnh Nam Anh	1966	023624126	Phó Tổng Giám đốc
4	Tô Tấn Dũng	1959	022640540	Phó Tổng Giám đốc
III	Ban Kiểm soát			
1	Thái Văn Can	1955	024278928	Trưởng BKS
2	Nguyễn Thị Băng Tâm	1961	022076413	Thành viên BKS
3	Lê Thị Hồng Ánh	1980	023624079	Thành viên BKS
IV	Kế toán trưởng			
1	Vũ Minh Phượng	1959	022438201	Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị**❖ Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ông **Huỳnh Hồng Vũ**: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- ✓ Giới tính: Nam
- ✓ Ngày tháng năm sinh: 05/08/1957
- ✓ Nơi sinh: Hà Nội
- ✓ Số chứng minh nhân dân: 022600961



- ✓ Ngày cấp: 13/03/2006
- ✓ Nơi cấp: Tp.Hồ Chí Minh
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam
- ✓ Dân tộc: Kinh
- ✓ Địa chỉ thường trú: 16 đường số 9/ Nam Phú/ Nam Long đường Trần Trọng Cung – Quận 7 – Tp. HCM
- ✓ Điện thoại liên lạc: (08) 9 404 271 – Máy nhánh 232, DĐ: 0903706968
- ✓ Trình độ văn hóa: 10/10
- ✓ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác vận tải biển, Thạc sĩ kinh tế vận tải biển, Cao cấp lý luận chính trị
- ✓ Quá trình công tác:
 - + Từ 1982 đến 1998: Làm việc tại Cảng Sài Gòn qua các chức vụ Phó trưởng phòng điều độ, Giám đốc XN Xếp dỡ Cảng Nhà Rồng, Giám đốc Trung tâm Điều độ.
 - + Từ 1999 đến 2005: Phó Giám đốc Tổng Công ty hàng hải Việt Nam.
 - + Từ 2005 đến 12/2007: Phó Tổng Giám đốc – Phụ trách; Tổng Giám đốc Công ty; Phó Bí thư Đảng ủy Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.
 - + Từ 2008 đến 2009: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc; Phó Bí thư Đảng ủy Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
 - + Từ 2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
- ✓ Số cổ phần nắm giữ: 7.203.400 cổ phần
 - Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 3.400 cổ phần
 - + Đại diện vốn Nhà nước: 7.200.000 cổ phần
- ✓ Người có liên quan nắm giữ cổ phần :
 - + Vợ Vũ Thị Liên Hương: 70.000 Cổ phần.
- ✓ Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- ✓ Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- ✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

❖ **Thành viên Hội đồng quản trị**

Ông **Trương Đình Sơn**: Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc



Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- ✓ Giới tính: Nam
- ✓ Ngày tháng năm sinh: 01/08/1955
- ✓ Nơi sinh: Thừa Thiên Huế
- ✓ Số chứng minh nhân dân: 020140622
- ✓ Ngày cấp: 20/08/1998
- ✓ Nơi cấp: TP.Hồ Chí Minh
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam
- ✓ Dân tộc: Kinh
- ✓ Địa chỉ thường trú: Số 100/2, Nguyễn Đình Chiểu, phường ĐaKao, quận 1, TP.Hồ Chí Minh
- ✓ Điện thoại liên lạc: (08) 9 404 271 – Máy nhánh 233, DD: 0908020305
- ✓ Trình độ văn hóa: 10/10
- ✓ Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư cơ khí động lực.
- ✓ Quá trình công tác:
 - + Từ 1984 đến 1994: Cán bộ kỹ thuật, phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
 - + Từ 1994 đến 2004: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
 - + Từ 2004 đến 2007: Phó Tổng Giám đốc Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
 - + Từ 2008 đến 2009 : Thành viên HĐQT; Phó Tổng Giám đốc; Ủy viên Ban Thường Vụ Đảng ủy Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
 - + Từ 2009 đến nay: Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- ✓ Số cổ phần nắm giữ: 6.552.600 cổ phần
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 152.600 cổ phần
 - + Đại diện vốn Nhà nước: 6.400.000 cổ phần
- ✓ Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- ✓ Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: không



- ✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Bà Lê Thị Lan: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- ✓ Giới tính: Nữ
- ✓ Ngày tháng năm sinh: 19/10/1955
- ✓ Nơi sinh: Quảng Trị
- ✓ Số chứng minh nhân dân: 024415878
- ✓ Ngày cấp: 19/10/2005
- ✓ Nơi cấp: TP.Hồ Chí Minh
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam
- ✓ Dân tộc: Kinh
- ✓ Địa chỉ thường trú: Số 33, đường Lê Quốc Hưng, phường 12, quận 4, TP.Hồ Chí Minh
- ✓ Điện thoại liên lạc: (08) 9 404 271 – Máy nhánh 232, DD: 0903706968
- ✓ Trình độ văn hóa: 10/10
- ✓ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán, cao cấp lý luận chính trị
- ✓ Quá trình công tác:
 - + Từ 1980 đến 1987: Kế toán viên, Tổ trưởng, kế toán trưởng Chi Cục Thuế Công thương nghiệp Hậu Giang
 - + Từ 1987 đến 1993: Kế toán viên phòng tài chính kế toán Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
 - + Từ 1993 đến 1995: Phó trưởng phòng tài chính kế toán Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
 - + Từ 1995 đến 2006: Kế toán trưởng Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
 - + Từ 2006 đến 2007: Phó Tổng Giám đốc; Bí thư Đảng ủy Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
 - + Từ 2008 đến nay: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc; Bí thư Đảng ủy Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.
- ✓ Số cổ phần nắm giữ: 5.219.200 cổ phần
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 19.200 cổ phần



+ Đại diện vốn Nhà nước: 5.200.000 cổ phần

- ✓ Người có liên quan nắm giữ cổ phần :
 - + Chồng Trịnh Đức Quạt: 9.000 Cổ phần.
 - + Em ruột: Lê Văn Bảo: 1.300 Cổ phần
 - + Con ruột Trịnh Lan Hương: 5.000 Cổ phần
- ✓ Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- ✓ Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- ✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Ông Tô Tấn Dũng: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- ✓ Giới tính : Nam
- ✓ Ngày tháng năm sinh: 01/09/1959
- ✓ Nơi sinh: Hà Nội
- ✓ Số chứng minh nhân dân: 022640540
- ✓ Ngày cấp: 28/11/2007
- ✓ Nơi cấp: TP.Hồ Chí Minh
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam
- ✓ Dân tộc: Kinh
- ✓ Địa chỉ thường trú: 3E/9 Phở Quang, phường 2, quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh
- ✓ Điện thoại liên lạc: (08) 8244479, DĐ 0903737434
- ✓ Trình độ văn hóa : 10/10
- ✓ Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Tổ chức và quản lý vận tải biển, Kỹ sư điện, Cử nhân Quản trị kinh doanh, cử nhân Anh văn, cao cấp lý luận chính trị.
- ✓ Quá trình công tác:
 - + Từ 1984 đến 1988: Giáo viên Trường Đại học Bách khoa TP.HCM
 - + Từ 1988 đến 1994: Chuyên viên phòng Tổ chức Cán bộ Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.



+ Từ 1994 đến 2007: Chuyên viên, Phó Giám đốc, Phó Giám đốc Phụ trách, Giám đốc Trung tâm Đào tạo, môi giới và xuất khẩu thuyền viên phía Nam (SCC) thuộc Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.

+ Từ 2008 đến nay: Ủy viên HĐQT; Giám đốc Trung tâm đào tạo, môi giới và xuất khẩu thuyền viên phía Nam (SCC); Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Công ty.

- ✓ Số cổ phần nắm giữ: 5.212.100 cổ phần
- Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 12.100 cổ phần
 - + Đại diện vốn Nhà nước: 5.200.000 cổ phần
- ✓ Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- ✓ Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- ✓ Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- ✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Bà Tô Thị Thu Vân Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng Phòng kinh doanh Công ty TNHH TM thực phẩm Phú Thuận.

- ✓ Giới tính: Nữ
- ✓ Ngày tháng năm sinh: 2/8/1971
- ✓ Nơi sinh: Hà Đông
- ✓ Số chứng minh nhân dân: 023208775
- ✓ Ngày cấp: 02/07/2007
- ✓ Nơi cấp: Tp. Hồ Chí Minh
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam
- ✓ Dân tộc: Kinh
- ✓ Địa chỉ thường trú: 196/2/19 Tô Hiến Thành , P.15,Q.10, TpHCM
- ✓ Điện thoại liên lạc: 0908099898
- ✓ Trình độ văn hóa: 12/12
- ✓ Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh
- ✓ Quá trình công tác:
 - + Từ 2000 đến 2006: Trưởng Phòng cung ứng Công ty TM SX Tín Thành



+ Từ 2006 đến nay: Trưởng Phòng kinh doanh Công ty TNHH TM thực phẩm Phú Thuận, Thành viên Hội đồng Quản trị

- ✓ Số cổ phần nắm giữ : 5.000 cổ phần
- ✓ Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- ✓ Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- ✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Ông Nguyễn Minh Cường Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng phòng phân tích Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn Tourist.

- ✓ Giới tính: Nam
- ✓ Ngày tháng năm sinh: 27 / 09 / 1974
- ✓ Nơi sinh: Sài Gòn
- ✓ Số chứng minh nhân dân: 022718191
- ✓ Ngày cấp: 21 / 08 / 2008
- ✓ Nơi cấp: Tp. Hồ Chí Minh
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam
- ✓ Dân tộc: Kinh
- ✓ Địa chỉ thường trú: Số 60, đường Vân Côi, phường 7, quận Tân Bình, TPHCM
- ✓ Điện thoại liên lạc: 0908080799
- ✓ Trình độ văn hóa: 12/12
- ✓ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa , Thạc sĩ Kinh Tế , Nghiên Cứu sinh Kinh Tế
- ✓ Quá trình công tác:

+ Từ 1999 đến 2007: Trưởng phòng quản lý bán hàng A&T Computer Ptl LTD.

+ Từ 2007 đến 2008: Giám đốc dự án Công ty cổ phần đầu tư Việt Nhật

+ Từ 2008 đến nay: Trưởng phòng phân tích Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn Tourist, Thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.

- ✓ Số cổ phần nắm giữ : Không cổ phần



- ✓ Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- ✓ Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- ✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

12.2. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát:

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Thái Văn Can

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- ✓ Giới tính: Nam
- ✓ Ngày tháng năm sinh: 20/12/1955
- ✓ Nơi sinh: Bình Định
- ✓ Số chứng minh nhân dân: 024278928
- ✓ Ngày cấp: 16/08/2004
- ✓ Nơi cấp: TP.Hồ Chí Minh
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam
- ✓ Dân tộc: Kinh
- ✓ Địa chỉ thường trú: Số 46/4Z, đường Phạm Văn chiêu, phường 9, quận Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh
- ✓ Điện thoại liên lạc: (08) 9 404 271 – Máy nhánh 207, DĐ: 0903775061
- ✓ Trình độ văn hóa: 10/10
- ✓ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy, Cử nhân Quản trị kinh doanh, cao cấp lý luận chính trị.
- ✓ Quá trình công tác:
 - + Từ 1980 đến 1984: Kỹ thuật viên, Trung đội trưởng, Đại đội phó, Đại đội trưởng C23 Trường Sĩ quan Tăng Thiết Giáp, Long Thành Đồng Nai
 - + Từ 1984 đến 1986: thợ máy, đốc công xí nghiệp Sửa chữa tàu biển thuộc Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.
 - + Từ 1986 đến 2006: Chuyên viên, Phó trưởng phòng Lao động tiền lương, Phó Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ - Lao động Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.
 - + Từ 2006 đến 2007: Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ - Lao động Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.



+ Từ 2008 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát; Trưởng phòng Tổ chức – Lao động Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.

- ✓ Số cổ phần nắm giữ : 2.600 cổ phần
- ✓ Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- ✓ Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- ✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thành viên Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Băng Tâm

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- ✓ Giới tính: Nữ
- ✓ Ngày tháng năm sinh: 15/02/1961
- ✓ Nơi sinh: Hải Phòng
- ✓ Số chứng minh nhân dân: 022076413
- ✓ Ngày cấp: 29/10/1998
- ✓ Nơi cấp: TP.Hồ Chí Minh
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam
- ✓ Dân tộc: Kinh
- ✓ Địa chỉ thường trú: Số 129/5, đường Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP.Hồ Chí Minh
- ✓ Điện thoại liên lạc: (08) 9 404 271 – Máy nhánh 258, DĐ: 0903341221
- ✓ Trình độ văn hóa: 10/10
- ✓ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển, Cử nhân Ngữ Văn Anh
- ✓ Quá trình công tác:

+ Năm 1984 :Kế toán viên, Tổng cục đường biển.

+ Từ 1984 đến 1991 : Kế toán viên, phòng Tài chính Kế toán Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.

+ Từ 1991 đến 1995 : Phụ trách Kế toán Công ty FALCON liên doanh với Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.

+ Từ 1995 đến 1996 : Phụ trách Kế toán Công ty Vận tải dầu khí Việt Nam.



+ Từ 1996 đến 1997 : Chuyên viên, phòng Giao nhận vận chuyển Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.

+ Từ 1997 đến 2006 : Kế toán trưởng Công ty Đại lý P&O Nedlloyd Việt Nam thuộc Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.

+ Từ 2006 đến 2007 : Chuyên viên, Phó Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.

+ Từ 2008 đến Nay : Phó Trưởng phòng Đầu tư Phát triển, Thành viên ban kiểm soát Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.

- ✓ Số cổ phần nắm giữ : 7.200 cổ phần.
- ✓ Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- ✓ Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- ✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Bà Lê Thị Hồng Ánh

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng Phòng giao dịch Ngân Hàng Techcombank

- ✓ Giới tính: Nữ
- ✓ Ngày tháng năm sinh: 17/05/1980
- ✓ Nơi sinh: Đà Nẵng
- ✓ Số chứng minh nhân dân: 023624079
- ✓ Ngày cấp: 25/12/1997
- ✓ Nơi cấp: CA.TPHCM
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam
- ✓ Dân tộc: Kinh
- ✓ Địa chỉ thường trú: Số 30/8 Cư Xá Tự Do, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường 07, quận Tân Bình, Tp.HCM
- ✓ Số ĐT liên lạc: 918.374.061
- ✓ Trình độ văn hóa: 12/12
- ✓ Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Tài Chính – Tín Dụng
- ✓ Quá trình công tác:

+ Từ 2002 đến 2004 : Nhân viên Ngân Hàng Indovina



+ Từ 2004 đến Nay : Trưởng Phòng giao dịch Ngân Hàng Techcombank, Thành viên ban kiểm soát Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam

- ✓ Số cổ phần nắm giữ : Không
- ✓ Người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không
- ✓ Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- ✓ Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- ✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

12.3. Danh sách thành viên Ban Giám đốc:

a. Tổng Giám đốc

Ông Trương Đình Sơn (Xem Chi tiết 11.1)

b. Phó Tổng Giám đốc

Bà Lê Thị Lan (Xem Chi tiết 11.1)

c. Phó Tổng Giám đốc

Ông Tô Tấn Dũng (Xem Chi tiết 11.1)

d. Phó Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Nam Anh

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- ✓ Giới tính: Nam
- ✓ Ngày tháng năm sinh: 15/04/1966
- ✓ Nơi sinh : Nghệ An
- ✓ Số CMND : 023624126
- ✓ Ngày cấp: 12/7/1997
- ✓ Nơi cấp: TP.Hồ Chí Minh
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam
- ✓ Dân tộc: Kinh
- ✓ Địa chỉ thường trú: 7A Thành Thái, P.14, Q.10, Tp. HCM, P.207 C/cư Nguyễn Tri Phương
- ✓ Số điện thoại liên lạc : 0903003639
- ✓ Trình độ văn hoá: 12/12



- ✓ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Kinh tế Vận tải biển
- ✓ Quá trình công tác :
 - + 1991 – 1995 : Thuyền viên Công ty Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam
 - + 1995 – 1997 : Chuyên viên Công ty Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam – Phòng. Kế Hoạch Đầu Tư
 - + 1997 – 1999 : Du học tại Thụy Điển
 - + 1999 – 2000 : Chuyên viên chính Công ty Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam – Ban Tư vấn
 - + 2000 – 2001 : Chuyên viên chính Công ty Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam – Phòng. Tổng hợp
 - + 2001 – 2003 : Trưởng ban Công ty Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam – Ban Nghiên cứu Dự án
 - + 2003 – 2008 : Trưởng phòng Công ty Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam – Phòng. Kế Hoạch Đầu Tư
 - + 2008 – 2009 : Trưởng phòng Công ty Cổ Phần Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam – Phòng. Đầu Tư Phát Triển
- 2009 – nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam
- ✓ Số cổ phần nắm giữ : 11.500 cổ phiếu
- ✓ Người có liên quan nắm giữ cổ phần : Không
- ✓ Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- ✓ Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- ✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

12.4. Kế toán trưởng :

Bà **Vũ Minh Phượng**

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- ✓ Giới tính: Nữ
- ✓ Ngày tháng năm sinh: 22/08/1959
- ✓ Nơi sinh: Hà Nội
- ✓ Số chứng minh nhân dân: 022438201
- ✓ Ngày cấp: 11/04/1997



- ✓ Nơi cấp: TP.Hồ Chí Minh
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam
- ✓ Dân tộc: Kinh
- ✓ Địa chỉ thường trú: Số 204 B-D, đường Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, TP.Hồ Chí Minh
- ✓ Điện thoại liên lạc: (08) 9 404 271 – Máy nhánh 126, DĐ: 0903913895
- ✓ Trình độ văn hóa : 10/10
- ✓ Trình độ chuyên môn: Sĩ quan bảo vệ an ninh kinh tế, Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cao cấp lý luận chính trị
- ✓ Quá trình công tác:
 - + Từ 1981 đến 1984: Cán bộ, Cục Công tác chính trị Bộ nội vụ
 - + Từ 1984 đến 1990: Cán bộ phòng Công tác chính trị Công an TP.Hồ Chí Minh
 - + Từ 1990 đến 1998: Phó phòng Tài chính kế toán, kế toán trưởng Xí nghiệp LD Vietsovlighter.
 - + Từ 1998 đến 2006: Kế toán viên, Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam.
 - + Từ 2006 đến 2007: Kế toán trưởng Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
 - + Từ 2008 đến Nay : Kế toán trưởng, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
- ✓ Số cổ phần nắm giữ: 2.200 cổ phần
- ✓ Người có liên quan nắm giữ cổ phần :
 - + Chồng Nguyễn Kỳ Trung : 10.000 Cổ phần.
- ✓ Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- ✓ Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- ✓ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

**13. Tài sản (Nhà xưởng thuộc sở hữu Công ty)**

DVT: Đồng

STT	Địa điểm	Diện tích	Tình trạng pháp lý	Mục đích sử dụng	Giá trị quyền sử dụng đất	Công trình trên đất
						Giá trị còn lại 31/3/2010
1	428 Nguyễn Tất Thành, P18, Q4, TPHCM	1.053,8 m ²	Đất thuê ngắn hạn (hàng năm) của Sở Tài nguyên & Môi trường (TPHCM)	Trụ sở chính Vitranschart JSC		1.455.992.814
2	428 Nguyễn Tất Thành, P18, Q4, TPHCM	3.797 m ²	Đất thuê ngắn hạn (hàng năm) của Cty Kho bãi TPHCM	Văn phòng làm việc + Xưởng sửa chữa + bãi để xe		48.576.660
3	438 Nguyễn Tất Thành, P18, Q4, TPHCM	118 m ²	Đất thuê ngắn hạn (hàng năm) của Cty Kho bãi TPHCM	Văn phòng làm việc		250.389.721
4	12 Bis Nguyễn Huệ, Q1, P. Bến Nghé, TPHCM	368,8 m ²	Đất thuê ngắn hạn (hàng năm) của Sở Tài nguyên & Môi trường (TPHCM)	Văn phòng làm việc		58.620.196
5	36 Nguyễn T. Minh Khai, Q1, TPHCM	431 m ²	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thời hạn đến hết năm 2020	Văn phòng làm việc		3.092.356.679
6	Cụm Công nghiệp Nhơn Bình, TP Quy Nhơn, Bình Định	30.700,5 m ²	Hợp đồng thuê đất của Cty CP DV PT Hạ Tầng, thời hạn thuê : 45 năm	Văn phòng làm việc + Kho bãi container		6.134.134.432
8	Tổ 11, Khu 4, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long	195,2 m ²	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài số 775171 ngày 5/12/2005 của UBND Tỉnh Quảng Ninh	Văn phòng làm việc	2.680.960.000	369.606.900

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010-2012

14.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	2010/2009	Năm 2011	2011/2010	Năm 2012	2012/2011
Doanh thu thuần	1.728.000	134,68%	1.990.000	115,16%	2.290.000	115,08%
Vốn chủ sở hữu	592.000	148%	592.000	100%	592.000	100%
Lợi nhuận sau thuế	90.000	149,83%	110.000	122,22%	135.000	122,73%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần (%)	5,20%	111,11%	5,53%	106,35%	5,90%	106,69%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu (%)	15,20%	120,92%	18,58%	122,24%	22,80%	122,71%
Cổ tức / Vốn điều lệ (%)	12%	N/A	15%	125%	15%	100%

N/A: Không áp dụng do số liệu không phù hợp

Nguồn: Vitranschart

14.2. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ

Điểm mạnh:

- ✓ Vitranschart được biết đến như là một trong những Công ty vận tải biển hàng đầu Việt Nam trong suốt hơn 30 năm qua, có uy tín trên thị trường, có thương hiệu trong và ngoài nước. Đội ngũ CBCNV, sĩ quan thuyền viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề cao, có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý và điều hành sản xuất. Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty chỉ đạo sản xuất kịp thời và hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đảng, các đoàn thể động viên toàn thể CBCNV, sĩ quan thuyền viên nỗ lực phấn đấu để sản xuất kinh doanh ngày càng ổn định và phát triển bền vững.
- ✓ Đội ngũ sĩ quan thuyền viên nhiều kinh nghiệm, có đầy đủ trình độ và bằng cấp cần thiết để có thể cập cảng hầu hết các quốc gia, lãnh thổ trên thế giới.
- ✓ Có mạng lưới các nhà môi giới thực hiện thông tin nhu cầu giữa các chủ hàng với Công ty tạo điều kiện thuận lợi để khai thác hiệu quả công suất vận chuyển của các tàu.

- ✓ Trong hoạt động thương mại Công ty có các mối liên hệ mua bán truyền thống các sản phẩm để mua bán các sản phẩm: Clinker, đá vôi... nhập từ nước ngoài về bán nên lợi thế hơn các doanh nghiệp nhập khẩu khác.
- ✓ Một số lộ trình vận chuyển mà Công ty có lợi thế về kinh nghiệm cũng như khả năng cung cấp dịch vụ để đảm bảo an toàn hơn các nhà cung cấp khác như các tuyến đi các nước Châu Mỹ, Châu Phi...
- ✓ Đội tàu Công ty có tuổi bình quân 15 là một trong những đội tàu trẻ nhất Việt Nam, tạo ra lợi thế cạnh tranh so với các đội tàu khác trong nước.

Điểm yếu:

- ✓ Các chuyến đi dài ngày trên biển là một khó khăn đối với các thuyền viên.
- ✓ Tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước vừa mới chuyển qua Công ty cổ phần nên cách sắp xếp, tổ chức cơ cấu lại trong doanh nghiệp chưa đi vào ổn định, đang trong quá trình hoàn thiện các hoạt động trong quản lý cũng như trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Cơ hội:

- ✓ Kim ngạch xuất nhập khẩu trên thế giới cũng như của Việt Nam ngày càng gia tăng là tăng cơ hội phát triển cho ngành vận tải biển khi hơn 80% hàng hóa được vận chuyển bằng đường biển.
- ✓ Là một trong những Công ty hàng đầu trong lĩnh vực vận tải biển nên định hướng phát triển ngành của Chính phủ trong tương lai kéo theo những ưu đãi mới cho ngành và Công ty tạo nên những lợi thế trong cạnh tranh với các đối thủ khác.
- ✓ Số lượng các thuyền viên có kinh nghiệm trong nước chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của các tàu nên trong hoạt động đào tạo cho thuê thuyền viên của Công ty chiếm lợi thế rất lớn trong cạnh tranh với các Công ty khác.
- ✓ Được vay vốn ưu đãi để phát triển các tàu theo chương trình 32 tàu của Chính phủ. Ngoài ra, Công ty cũng được ưu đãi về thuế khi thực hiện việc mua sắm tàu. Đây là điều kiện tốt để Công ty giảm được giá vốn dịch vụ vận tải để tăng khả năng cạnh tranh với các đối thủ cạnh tranh khác trong và ngoài nước.

Thách thức:

- ✓ Lạm phát ngày càng leo thang, giá tàu tăng cao làm cho việc đầu tư mua sắm thêm các tàu mới gặp nhiều khó khăn.

- ✓ Cảng biển Việt Nam chưa đủ điều kiện để Công ty có thể phát triển các tàu có trọng tải lớn.
- ✓ Giá dầu thế giới dao động nhiều trong những tháng qua làm cho Công ty không chủ động được các yếu tố đầu vào làm cho giá vốn hàng bán có thể tăng lên hay giảm đi ngoài dự báo của Công ty.
- ✓ Với các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ hiện nay làm siết chặt lượng vốn đầu tư ra bên ngoài của các ngân hàng, dẫn đến nhu cầu vay vốn của Công ty bị giới hạn làm hạn chế phát triển các tàu mới.
- ✓ Ngoài ra vấn đề bố trí thuyền viên đang rất khó khăn do các sĩ quan thuyền viên có trình độ chuyên môn cao và quản lý cao thường xuyên bị thu hút, lôi kéo bởi các Công ty khác để cung ứng cho các đội tàu trong và ngoài nước với mức lương khá cạnh tranh.
- ✓ Hiện nay hơn 80% thị phần vận tải biển thuộc các Công ty vận tải nước ngoài thực hiện. Vì thế, các Công ty trong nước phải thực hiện các chính sách, chất lượng dịch vụ để tăng cường và phát huy hình ảnh và khả năng phục vụ của Công ty để chia thị phần trong nước với các Công ty nước ngoài.

14.3. Kế hoạch chiến lược thực hiện trong 03 năm từ năm 2010 đến năm 2012

Củng cố và phát triển thị trường phân phối sản phẩm

- ✓ Tăng cường liên hệ với các đối tác là nhà môi giới, chủ hàng để tận dụng hiệu quả năng suất hoạt động của các tàu.
- ✓ Đối với dịch vụ cho thuê thuyền viên, mở rộng đào tạo nâng cao tay nghề của các sĩ quan thuyền viên đáp ứng các yêu cầu của đối với các cảng biển trên thế giới.

Đầu tư phát triển đội tàu:

- ✓ Năm 2010 Vitranschart dự kiến phát triển 2 tàu hàng khô, tổng trọng tải khoảng 60.000 DWT với mức đầu tư 40 triệu USD; Năm 2011 và năm 2012 mua thêm 5 tàu và đóng mới 2 tàu loại handysize và supramax, tổng mức đầu tư 160 triệu USD. Bên cạnh đó Công ty cũng có kế hoạch thanh lý các tàu có độ tuổi lớn hoạt động ít hiệu quả hơn thay vào đó là các tàu mới đầu tư làm cho độ tuổi bình quân của các tàu giảm xuống và năng suất khai thác cao hơn.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá



và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty và có thể ảnh hưởng tới cổ phiếu chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:

1.2 Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

1.3 Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

1.4 Tổng số cổ phiếu phát hành: 12.000.000 cổ phiếu

1.5 Đối tượng phát hành:

Tất cả các cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông tại ngày chốt Danh sách để xác định quyền mua cổ phiếu. Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu tương ứng với số cổ phiếu đang sở hữu tại ngày chốt quyền

1.6 Phương thức phát hành

- Phương thức: Cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được quyền mua thêm 3 cổ phiếu phát hành thêm (tỷ lệ 10:3).
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần
- Xử lý cổ phiếu lẻ: đối với số cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng phát hành, số lượng cổ phiếu mà cổ đông được quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.



- Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 222 cổ phần, theo tỷ lệ thực hiện quyền là 10:3, khi đó số lượng cổ phiếu mà cổ đông A được quyền mua thêm là: $(222/10) \times 3 = 66,6$ cổ phần. Theo quy định về việc xử lý cổ phiếu lẻ thì ông A sẽ được mua thêm 66 cổ phần.
- Cổ phiếu hiện đang bị hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm được phép chuyển nhượng.
- Đồng thời, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phân phối số lượng cổ phần còn lại do cổ đông không thực hiện quyền mua hết số lượng cổ phần chào bán và cổ phiếu lẻ phát sinh sau khi thực hiện quyền sao cho có lợi nhất cho cổ đông và giá phát hành không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

1.7 Phương pháp tính giá

Căn cứ và tình hình thị trường và đảm bảo quyền lợi cho cổ đông hiện hữu, giá phát hành được cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phần phát hành thêm.

2. Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu:

2.1 Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông

2.2 Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cp

2.3 Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: 7.000.000 cổ phiếu

2.4 Tỷ lệ số cổ phần đăng ký phát hành thêm trên tổng số cổ phần hiện có:

$$7.000.000 / 40.000.000 = 17,5\%$$

2.5 Phương thức phân phối:

- *Hình thức thực hiện:* Cổ đông nhận cổ phiếu thưởng phát hành thêm với tỷ lệ 100:17,5. Điều này có nghĩa là mỗi cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu đến thời điểm chốt danh sách cổ đông sẽ nhận được 17,5 cổ phiếu thưởng phát hành thêm của Công ty.
Cổ đông không được chuyển nhượng quyền nhận cổ phiếu thưởng do Công ty phát hành thêm cho đối tượng khác. Số lượng cổ phiếu thưởng phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng.,
- *Số lượng cổ phiếu phát hành thêm dự kiến:* 7.000.000 cổ phần
- *Xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh:* Cổ phiếu thưởng phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ được phần lẻ thập phân nếu có sẽ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định xử lý.

- Nguồn vốn thực hiện: Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Lợi nhuận giữ lại.

3. Thời gian chào bán và phân phối cổ phần

Thời gian chào bán và phân phối cổ phần cho cổ đông hiện hữu sẽ được thực hiện ngay sau khi được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép chào bán, trong thời gian quy định của pháp luật

4. Đăng ký mua cổ phần

✓ Công bố báo chí

Trong thời hạn 07 ngày sau ngày nhận được giấy phép phát hành, tổ chức phát hành sẽ công bố việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định hiện hành của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; đồng thời công bố ngày chốt danh sách cổ đông, ngày giao dịch không hưởng quyền và thời gian thực hiện quyền

✓ Xác định danh sách sở hữu cuối cùng

Công ty sẽ phối hợp với TTLKCK lập Danh sách sở hữu cuối cùng. Dự kiến thực hiện xong trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin.

✓ Phân bổ và thông báo quyền mua chứng khoán

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách sở hữu cuối cùng, tổ chức phát hành sẽ phối hợp cùng TTLKCK phân bổ và thông báo quyền mua cổ phần đến các thành viên lưu ký đối với các cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu

✓ Đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần

Trên cơ sở Danh sách phân bổ quyền mua cổ phần do TTLKCK cung cấp, các thành viên lưu ký tổ chức cho các cổ đông đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành; đối với trường hợp cổ đông chưa lưu ký thì sẽ đăng ký và nộp tiền tại tổ chức phát hành.

Thời gian đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần trong vòng 20 ngày kể từ ngày TTDGCK phân bổ quyền mua đến các thành viên lưu ký. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

✓ Chuyển nhượng quyền mua cổ phần

Quyền mua được thực hiện chuyển nhượng dự kiến trong vòng 15 ngày kể từ ngày thông báo Danh sách phân bổ quyền thông qua thành viên lưu ký.

Việc chuyển nhượng quyền mua cho các cổ đông chưa lưu ký được thực hiện tại tổ chức phát hành.

Quyền mua chỉ được chuyển nhượng 01 lần.

✓ **Tổng hợp thực hiện quyền**

Trong 04 ngày làm việc sau ngày hết hạn đăng ký thực hiện quyền, TTLKCK gửi báo cáo thực hiện quyền cho tổ chức phát hành

✓ **Báo cáo kết quả phát hành**

Trong vòng 10 ngày sau khi kết thúc việc phát hành cho cổ đông hiện hữu, tổ chức phát hành sẽ lập báo cáo phát hành gửi UBCKNN, TTGDCK Tp Hồ Chí Minh và TTLKCK, đồng thời hoàn tất thủ tục đăng ký niêm yết bổ sung chứng khoán phát hành thêm.

✓ **Niem yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm**

Sau khi Sở GDCK Tp Hồ Chí Minh ra quyết định niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành, tổ chức phát hành sẽ thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký để cổ phiếu phát hành thêm được chính thức giao dịch tại Sở GDCK Tp Hồ Chí Minh.

✓ **Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần**

Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, tổ chức phát hành hoàn tất thủ tục trao trả Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa đăng ký lưu ký và các đối tượng khác được mua cổ phần trong đợt chào bán (nếu có).

✓ **Lịch trình phân phối cổ phiếu dự kiến**

STT	Công việc	Thời gian
1	Nhận Giấy phép pháp hành của UBCKNN	Ngày T
2	Công bố việc phát hành cho cổ đông hiện hữu trên các phương tiện thông tin đại chúng	T + 3
3	Chốt danh sách sở hữu cuối cùng	T + 13
4	Phân bổ và thông báo quyền mua cổ phần	T + 19
5	Cổ đông đăng ký nộp tiền mua cổ phần	T + 19 – T + 42
6	Chuyển nhượng quyền mua cổ phần	T + 19 – T + 39
7	Tổng hợp thực hiện quyền mua chứng khoán của cổ đông hiện hữu	T + 42 – T + 47
8	Báo cáo kết quả phát hành và hoàn tất thủ tục đăng ký niêm yết bổ sung	T + 48 – T + 58
10	Sở giao dịch cấp giấy phép niêm yết	T + 58
11	Cổ phiếu chính thức giao dịch	T + 60
12	Trao trả giấy chứng nhận cổ đông	T + 48 – T + 58

5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

Theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Thủ Tướng Chính Phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt

Nam, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài giới hạn tối đa là 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty

Tính theo danh sách chốt ngày 8/3/2010, số lượng cổ phần do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu là 315.080 chiếm gần 1% tổng số cổ phần Công ty.

6. Các loại thuế có liên quan

Đối với nhà đầu tư

Theo Nghị định 100/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 09 năm 2008 có hiệu lực vào ngày 01 tháng 01 năm 2009 thì các cá nhân hoạt động chuyển nhượng chứng khoán đều phải nộp thuế thu nhập cá nhân, với mức thuế suất được áp dụng là 20% trên thu nhập chịu thuế hoặc 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán.

Cách 1: Áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất

Trong đó:

Thu nhập tính thuế được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng. Chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng chứng khoán là các khoản chi phí thực tế phát sinh có chứng từ, hóa đơn hợp pháp, bao gồm phí nhận chuyển nhượng và phí chuyển nhượng chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán, phí ủy thác chứng khoán và các chi phí khác.

Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 20% trên thu nhập tính thuế cả năm chỉ áp dụng đối với trường hợp đối tượng nộp thuế đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ, xác định được thu nhập tính thuế và đăng ký thực hiện ổn định với cơ quan thuế từ tháng 12 của năm trước.

Cách 2: Áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán.

Các trường hợp khác ngoài trường hợp trên, thuế thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được tính bằng 0,1% giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Cũng theo Nghị định 100/2008/NĐ-CP lợi tức cổ phần của các cá nhân cũng chịu thuế thu nhập cá nhân.

Tổ chức đầu tư trong và ngoài nước có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp từ việc mua, bán cổ phiếu của doanh nghiệp niêm yết.

Tổ chức đầu tư nước ngoài không đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu.

Ngoài ra, còn có Thông tư số 84/2008/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và các văn bản khác hướng dẫn cụ thể về các chính sách thuế liên quan đến lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Các nhà đầu tư sẽ áp dụng các quy định gần nhất để tính và nộp thuế khi thực hiện hoạt động đầu tư.

7. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ tức

Toàn bộ số tiền thu từ đợt phát hành sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty mở tại NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

Số TK : 0071005536133

Địa chỉ : 29 Bến Chương Dương – Quận 1 - HCM

Số điện thoại : 84 (8) 39141777

Số fax : 84 (8) 38211795

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN:

1. Mục đích phát hành

Tổng cộng số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được Công ty sử dụng để đầu tư vào các dự án ngay trong năm 2010. Các dự án cụ thể như sau:

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH	Số tiền dự kiến (tỷ đồng)	Tài trợ từ nguồn vốn tự có (tỷ đồng)
Đầu tư tàu thứ nhất: - Tàu đã qua sử dụng - Tuổi tàu : 12 - Trọng tải : 28.600 DWT - Xuất xứ : Nhật	340	55
Đầu tư tàu thứ hai: - Tàu đã qua sử dụng - Tuổi tàu 10 - Trọng tải 32.000 DWT - Xuất xứ : Nhật	340-400	65
TỔNG CỘNG	680 - 740	120
Số tiền dự kiến thu từ đợt phát hành		120

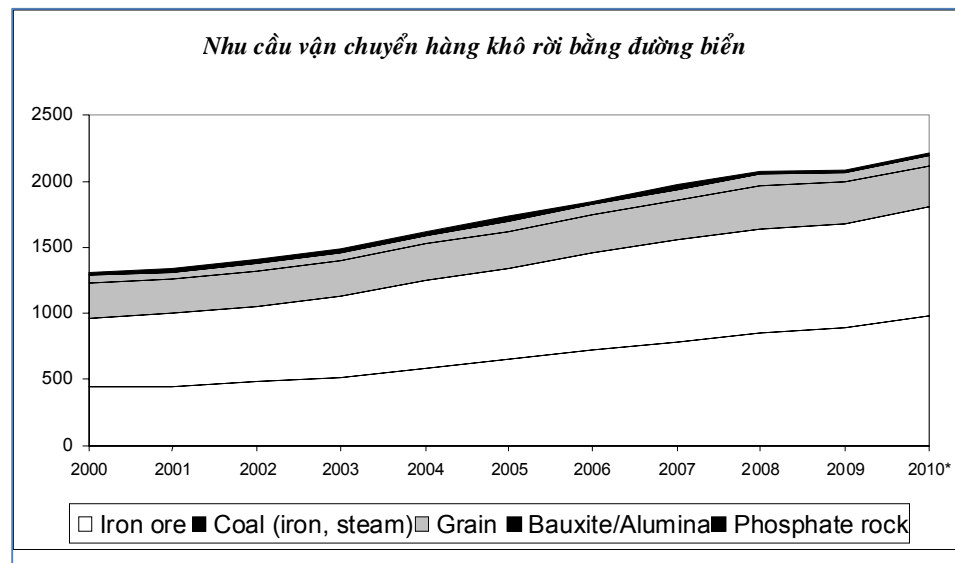
2. Phương án khai thác

Thị trường tàu hàng khô rời cỡ khoảng 20.000 – 35.000 DWT thuộc phạm vi khai thác rộng, dễ ra vào hầu hết các cảng biển trên thế giới, ít bị hạn chế bởi điều kiện luồng

lạch. Do vậy, đây là loại tàu rất phù hợp với điều kiện khai thác cho những lô hàng 22.000 – 28.000 tấn ($\pm 5\%$) đóng bao hoặc rời rất phổ biến như hàng nông sản, sản phẩm sắt thép, thiết bị và quặng cho tất cả các khu vực thị trường vận tải biển trên thế giới.

Qua các báo cáo nghiên cứu thị trường chuyên ngành cho thấy đội tàu Handysize trên thế giới có sự suy giảm về mức độ tăng trưởng, chỉ tăng ở mức xấp xỉ 3% trong cả 2 năm 2007 – 2008, nhưng năm 2009 giảm mạnh và ở dưới ngưỡng 0% cả 2 loại tàu handysize và small handy. Đây là bức tranh khá ảm đạm đối với mảng thị trường tàu hàng khô, rời loại handy. Dự kiến lượng tàu cỡ này sẽ tiếp tục giảm do các chủ tàu tập trung các loại tàu cỡ lớn nhằm tận dụng tính kinh tế. Thêm vào đó phần lớn đội tàu Handysize trên thế giới có tuổi trung bình là 19 so với tuổi trung bình 11 của các đội tàu hàng rời có kích cỡ lớn hơn. Trong đó, khoảng 56% đội tàu Handysize đang hoạt động có tuổi trên 20 năm đang có nhu cầu thanh thải và thay mới. Khuynh hướng này vẫn tiếp tục duy trì trong thời gian sắp tới thể hiện quan điểm rời bỏ dần mảng thị trường này của các chủ tàu lớn. Tất yếu, sự tăng trưởng của đội tàu Handysize đã, đang và sẽ luôn thấp hơn khối lượng hàng hoá thương mại đường biển tương ứng với cỡ tàu này. Dự báo năm 2010, lượng tàu đặt đóng loại Supramax chiếm vị thế cao nhất với 373 chiếc, tiếp đến là Handysize với 284 chiếc.

Qua nghiên cứu thị trường vận tải biển của các loại tàu hàng khô/rời trên đây, nhận thấy, mặc dù tình hình thị trường loại tàu handysize đang dần bị thu hẹp bởi sự lớn mạnh của các loại tàu có kích cỡ lớn hơn, nhưng xét thấy nhu cầu vận chuyển các mặt hàng nông sản, ngũ cốc, quặng sắt... dự báo vẫn tiếp tục tăng mạnh trong năm 2010 và những năm kế tiếp, các mặt hàng này vốn thuộc thế mạnh của các nước xuất khẩu có cảng biển phù hợp với loại tàu 20.000 – 30.000 DWT, dễ dàng thâm nhập vào các vị trí luồng lạch hơn các tàu có trọng tải lớn. Vì vậy, Cty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tiếp tục mạnh dạn chọn lựa và đầu tư tàu có trọng tải 28.600 DWT, đáp ứng nhu cầu vận tải đường biển của nền kinh tế quốc dân, nâng cao thị phần vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, phù hợp với năng lực quản lý, khai thác và tài chính, với mục tiêu trẻ hóa đội tàu của Công ty, đồng thời theo đúng mục tiêu, định hướng phát triển về vận tải biển như Quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển vận tải biển Việt nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2030 của Thủ tướng chính phủ đã đề ra.

**Tàu thứ nhất:**

Tổng vốn đầu tư: 340 tỷ (dự kiến)

Vốn chủ sở hữu: 55 tỷ

Vốn vay: 285 tỷ

Tiến độ thực hiện

Thời gian đàm phán : Tháng 3/2010

Thời gian ký hợp đồng : 3/2010

Thời điểm đưa vào khai thác : 5/2010

Thời gian hoạt động dự kiến của tàu : 15 năm (thời gian khấu hao 12 năm)

Hiệu quả đầu tư (IRR, thời gian hoàn vốn,...) theo phương án tự khai thác

NPV dự kiến: 143 tỷ

Thời gian hoàn vốn: 8 năm

Suất thu hồi nội bộ IRR : 16,30%

Tỷ suất sinh lời BCR: 1,55

Tàu thứ hai:

Tổng vốn đầu tư dự kiến: 399 tỷ

Vốn chủ sở hữu: 65 tỷ

Vốn vay: 334 tỷ



Tiến độ thực hiện

Thời gian đàm phán: Tháng 5/2010

Thời gian ký hợp đồng: 6/2010

Thời điểm đưa vào khai thác: 8/2010

Thời gian hoạt động dự kiến của tàu: 15 năm (thời gian khấu hao 12 năm)

Hiệu quả đầu tư (IRR, thời gian hoàn vốn,...) theo phương án tự khai thác

NPV dự kiến 182 tỷ

Thời gian hoàn vốn: 7 năm

Suất thu hồi nội bộ IRR : 17,01%

Tỷ suất sinh lời BCR: 1,62

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH RA CÔNG CHÚNG

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Trụ sở chính: Số 67 Hàm Nghi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209

Website: www.vcsc.com.vn

Chi nhánh Hà Nội: Số 18 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6262 6999 Fax: (84-4) 6278 2688

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm Toán và Kế Toán Hà Nội

Địa chỉ: Số 3 – Ngõ 1295 – Đường Giải Phóng – Quận Hoàng Mai – Tp. Hà Nội.

Tel: (84-8) 9404622 Fax: (84-8) 9404271

PHỤ LỤC

1. Phụ lục I	:	Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
2. Phụ lục II	:	Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty.
3. Phụ lục III	:	BCTC được kiểm toán năm 2008, năm 2009, Quý 1/2010



Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC

HUỲNH HỒNG VŨ

TRƯƠNG ĐÌNH SƠN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THÁI VĂN CAN

VŨ MINH PHƯỢNG